

Product Catalogue 2026

Bộ Kit & Thiết Bị Phân Tích

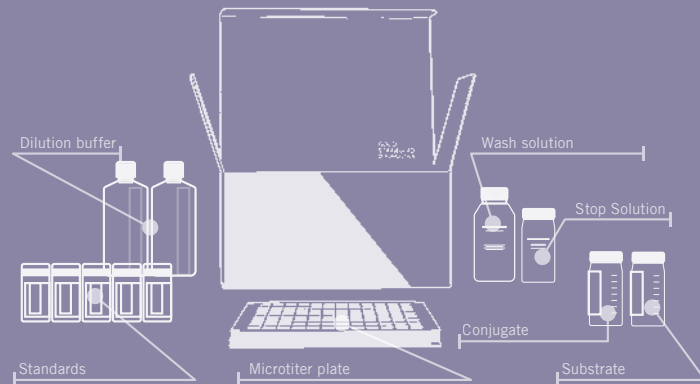
Ứng dụng trong lĩnh vực Thực phẩm,
Thức ăn chăn nuôi, Sức khỏe động vật & Môi trường

Phân phối ủy quyền bởi

Vitech
DEVELOPMENT


**GOLD
STANDARD
DIAGNOSTICS**

Giải pháp tối ưu cho
mọi nhu cầu kiểm nghiệm của bạn



Catalogue 2026

Danh mục Bộ kit & Thiết bị Phân tích

Ứng dụng cho lĩnh vực Thực phẩm,
Thức ăn chăn nuôi, Sức khỏe động vật và Môi trường

Phân phối ủy quyền bởi công ty Vitech Development



MỤC LỤC

Trụ sở & Địa chỉ liên hệ	6
CHẤT GÂY DỊ ỨNG	8
SENSISpec Allergen Detection ELISA Kits.....	10
Bộ kit ELISA SENSISpec phát hiện Gluten	11
Các sản phẩm bổ trợ	11
Vật liệu kiểm soát chất gây dị ứng.....	11
SENSISwab Swabbing Solution.....	11
DNAllergen2 PCR Kits.....	11
SENSIStrip Lateral Flow Tests.....	12
RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader.....	12
PHÂN TÍCH VITAMIN.....	14
SENSISpec ELISA Vitamin Kits.....	15
SENSIColumn Vitamin Immunoaffinity Columns	15
TÁC NHÂN GÂY BỆNH TRONG TP.....	16
Solutions for Enrichment	18
Enrichment Media for BACGene	18
Solutions for Analysis.....	18
Free DNA Removal.....	18
BACGeneGo Real-Time PCR Kits NEW!	18
BACGeneGo Starter Package NEW!	18
BACGene Real-time PCR phát hiện vi khuẩn gây bệnh.....	19
Thiết bị xử lý chất lỏng OT-2 cho quy trình BACGene.....	19
Hạt IMS dùng cho bộ xét nghiệm	19
BACGene <i>E. coli</i> STEC.....	19
BACGene Accessory Items.....	19
Solutions for Confirmation.....	20
Kit định dạng vi khuẩn bằng pp sinh hóa Microgen	20
Giải pháp lấy mẫu	20
Microgen Path-Chek Kits.....	20
Microgen Latex Agglutination Kits.....	20
CÁC VIRUS GÂY BỆNH TRONG TP.....	22
VIRSeek Qualitative Real-Time RT-PCR.....	23
VIRSeek RNA Extraction.....	23
VIRSeek Food Process Control.....	23
ĐỘC TỐ NẤM MỐC.....	24
SENSIStrip Lateral Flow Tests	26
SENSIStrip Equipment and Accessories.....	26
Bộ kit ELISA định lượng B ZERO®	26
Bộ kit ELISA định lượng Celer®.....	27
Bộ kit ELISA định lượng I'screen.....	27
Bộ kit ELISA định lượng nền dung môi nước.....	27
Bộ kit Patulin ABRAXIS® và các sản phẩm liên quan.....	27
Cột ái lực miễn dịch SENSIColumn.....	28
Supplementary Products.....	28

SINH VẬT BIẾN ĐỔI GEN (GMO).....	30
SpeciesScreen, SpeciesIdent & SpeciesQuant Kits.....	32
GMOScreen Kits.....	32
GMO PCR Testing Kits for Corn/Maize.....	34
GMO PCR Testing Kits for Soybean.....	36
GMO PCR Testing Kits for Canola/Rapeseed.....	38
GMO PCR Testing Kits for Cotton.....	39
GMO PCR Testing Kits for Other Species.....	39
GMO ELISA Testing Kits.....	42
GMO Lateral Flow Devices.....	42
RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader.....	42
GMO Lateral Flow Strips for.....	42
RapidScan ST5-W Lateral Flow Reader.....	42
TÁCH CHIẾT ACID NUCLEIC.....	44
DNA Isolation Offering.....	45
DƯ LƯỢNG THUỐC THÚ Y VÀ PHỤ GIA	46
I'screen Quantitative ELISA Test Kits.....	48
I'screen Rapid ELISA Test Kits.....	46
Other Kits to Detect Veterinary Drug Residues and Additives	48
HÓA CHẤT THỰC PHẨM.....	48
ABRAXIS® Acrylamide	48
BIOGENIC AMINE	49
Histamine Kits.....	49
XÁC ĐỊNH LOÀI ĐỘNG VẬT.....	50
DNAnimal Kits-Multiple Targets	52
DNAnimal Screen Kits.....	52
DNAnimal Ident Kits.....	52
MÔI TRƯỜNG VÀ NƯỚC.....	54
Bộ kit ABRAXIS® cho môi trường và nước	56
ABRAXIS® Algal Toxins Dipstick Test Kits.....	56
ABRAXIS® Algal Toxins Standards.....	56
ABRAXIS® Algal Toxins QC Materials.....	57
ABRAXIS® Algal Toxins Related Products.....	57
ABRAXIS® Industrial Chemicals/Hydrocarbons.....	58
ABRAXIS® Markers for Bioactivity.....	58
ELISA Plate, Tube & Test Strip Readers & Equipment	58
ABRAXIS® Pesticides.....	59
ABRAXIS® Pesticides Related Products.....	59
ABRAXIS® Glyphosate	59
ABRAXIS® Glyphosate Related Products	59

KHOA HỌC SỰ SỐNG / R&D.....	60
AbraMag® Magnetic Purification Kits.....	60
Magnetic Separator Racks	60
AbraMag® Magnetic Beads	60

THIẾT BỊ	63
ThunderBolt®.....	63
The Bolt™.....	63
RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader	65
GSD Absorbance 96 ELISA Reader	85
GSD Cyclor NEW!	66
Real-time PCR System: AriaMX™	86
OT-2 Liquid Handler for BACGene Use	67

DỊCH VỤ	68
----------------------	-----------

Tổng quan sản phẩm



Test Kits / Methods	ELISA	LFD	PCR	IAC	Reader	Automation
Food Allergens	•	•	•		•	•
Tác nhân gây bệnh trong thực phẩm	•		•		•	•
Virus trong thực phẩm			•			•
Sinh vật biến đổi gen	•	•	•		•	•
Độc tố nấm mốc	•	•		•	•	•
Dư lượng thuốc thú y	•				•	•
Xác định loài động vật			•			•
Chẩn đoán thú y	•	•	•		•	•
Phân tích vitamin	•			•	•	•
Thuốc bảo vệ thực vật	•	•			•	•
Môi trường & nước	•	•			•	•

Tìm giải pháp tối ưu

cho hoạt động kiểm nghiệm nội bộ của doanh nghiệp bạn.

Công nghệ xét nghiệm nhanh:

Xu hướng tất yếu của thị trường hiện đại

Thị trường các giải pháp xét nghiệm tại chỗ đã ghi nhận bước đột phá mạnh mẽ trong vài năm qua. Không chỉ dừng lại ở phân tích thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các giải pháp này hiện đang mở rộng tầm ảnh hưởng sang lĩnh vực môi trường và chẩn đoán lâm sàng.

Sự tăng trưởng này xuất phát từ nhu cầu của khách hàng đối với các kết quả xét nghiệm nhanh chóng và đáng tin cậy. Đồng thời, các phòng thí nghiệm kiểm tra nội bộ đang phải đối mặt với áp lực ngày càng lớn để đáp ứng các quy định mới và tiêu chuẩn của khách hàng, trong khi vẫn phải đảm bảo chất lượng và kịp thời đưa ra các sản phẩm an toàn ra thị trường.

Gold Standard Diagnostics có thể hỗ trợ bạn như thế nào?



**Bộ kit
xét nghiệm**



Tự động hóa



Dịch vụ

Chúng tôi là nhà cung cấp toàn cầu các bộ kit xét nghiệm và thiết bị phân tích sinh học nhanh chóng, đáng tin cậy và dễ sử dụng cho các lĩnh vực thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, môi trường, dược sinh học và y sinh lâm sàng.

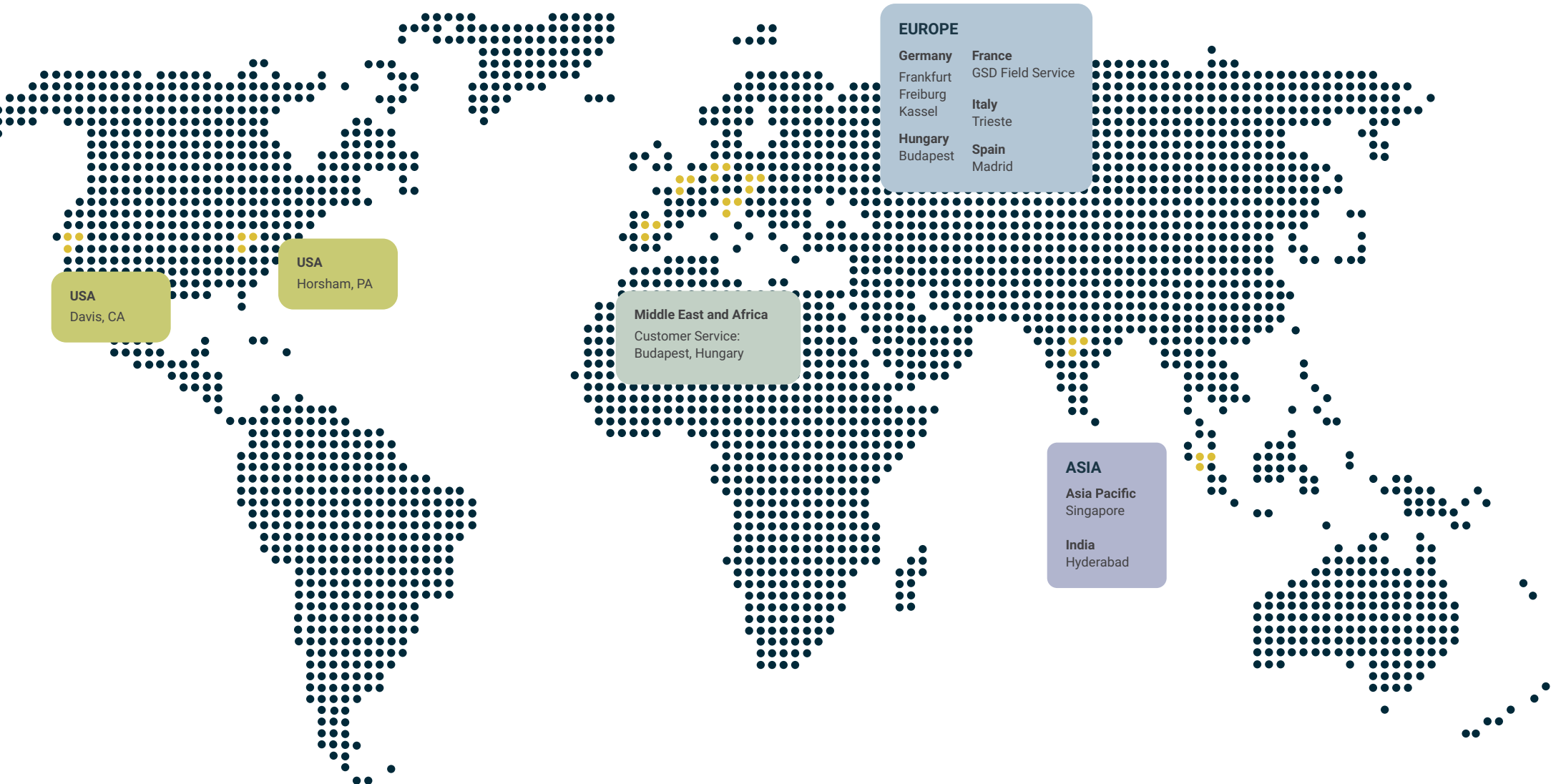
Đội ngũ R&D nội bộ của chúng tôi có chuyên môn trong việc phát triển nhiều phương pháp và ứng dụng sáng tạo nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm của cả nghiên cứu và ngành công nghiệp.

Các chuyên gia của chúng tôi có khả năng tùy chỉnh các chương trình phù hợp với nhu cầu cụ thể của khách hàng, với mức giá cạnh tranh và tiêu chuẩn chất lượng cao.



MẠNG LƯỚI TOÀN CẦU CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi hiện đang phục vụ khách hàng tại hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới.



CHẤT GÂY DỊ ỨNG

Các chất gây dị ứng trong thực phẩm là các protein có trong thực phẩm có thể gây ra phản ứng dị ứng, đôi khi thậm chí đe dọa tính mạng, ở những người nhạy cảm. 90% các trường hợp dị ứng thực phẩm do tám nhóm thực phẩm phổ biến sau gây ra: sữa, trứng, đậu phộng, cá, động vật có vỏ (hải sản), các loại hạt cây, lúa mì và đậu nành.

Việc quản lý dị ứng thực phẩm thường đồng nghĩa với việc loại bỏ hoàn toàn các protein gây dị ứng khỏi chế độ ăn uống, do đó đòi hỏi khả năng truy xuất nguồn gốc nghiêm ngặt trong toàn bộ quá trình sản xuất thực phẩm, từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

Bên cạnh Quy định của EU số 1169/2011, nhiều quy định pháp lý khác trên thế giới cũng yêu cầu các nhà sản xuất thực phẩm phải ghi nhãn đầy đủ những thành phần có khả năng gây ra phản ứng dị ứng.

Chúng tôi cung cấp danh mục giải pháp toàn diện cho xét nghiệm nhanh các chất gây dị ứng trong thực phẩm, bao gồm bộ kit xét nghiệm, thiết bị dễ sử dụng, các khóa đào tạo và dịch vụ hỗ trợ, nhằm phù hợp với năng lực và nhu cầu thực tế của bạn.

GIẢI PHÁP KIỂM NGHIỆM CHẤT GÂY DỊ ỨNG ĐƯỢC THIẾT KẾ RIÊNG CHO NHU CẦU CỦA BẠN.

RAPID TEST KITS

SENSIS*Strip* LFD Kits



Bộ kit LFD định lượng **PowerLine**
Công nghệ hook-line tích hợp
Kết quả đáng tin cậy chỉ trong 5 phút

SENSIS*Spec* ELISA Kits



Phương pháp nhanh và có độ nhạy cao
với quy trình chiết tách tiêu chuẩn.
Danh mục sản phẩm đa dạng, bao gồm
bộ kit Gluten R5 đã được AOAC phê duyệt.

DN*Allergen*2 PCR Kits



Các phương pháp xét nghiệm thể hệ mới
giúp phát hiện chất gây dị ứng với độ
đặc hiệu cao, không xảy ra phản ứng chéo.

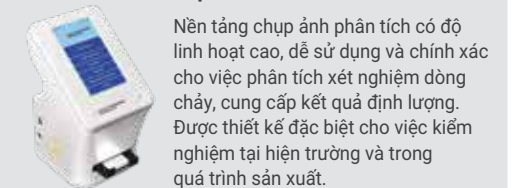
AUTOMATION & SERVICES

ThunderBolt® and The BOLT™ ELISA Analyzers



Tự động hóa toàn bộ quy trình
từ khâu trộn mẫu ban đầu đến xử lý dữ liệu cuối cùng.
Đã được thẩm định (validated)
cho các bộ kit **SENSIS*Spec* Allergen ELISA**.

RapidScan LFD Reader



Nền tảng chụp ảnh phân tích có độ
linh hoạt cao, dễ sử dụng và chính xác
cho việc phân tích xét nghiệm dòng
chảy, cung cấp kết quả định lượng.
Được thiết kế đặc biệt cho việc kiểm
nghiệm tại hiện trường và trong
quá trình sản xuất.

Dịch vụ

Bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật; đào tạo; phát triển
và thẩm định phương pháp (đối với các bộ kit ELISA
sử dụng trên hệ thống ThunderBolt® và The BOLT™).



SENSISpec Allergen Detection ELISA Kits



Sản phẩm	LOD (ppb)	Khoảng định lượng	Số giếng	Mã sản phẩm
SENSISpec ELISA Almond	200	0.4 - 10 ppm	96 48	HU0030001 HU0030025
SENSISpec ELISA Beta-Lactoglobulin	1.5	10 - 400 ppb	96 48	HU0030002 HU0030026
SENSISpec ELISA Brazil nut	200	1 - 40 ppm	96 48	HU0030018 HU0030042
SENSISpec ELISA Buckwheat	60	0.06-0.35 ppm	96 48	HU0030144 HU0030145
SENSISpec ELISA Casein	30	0.2 - 6 ppm	96 48	HU0030003 HU0030027
SENSISpec ELISA Cashew	200	2 - 60 ppm	96 48	HU0030004 HU0030028
SENSISpec ELISA Coconut	400	2 - 30 ppm	96 48	HU0030005 HU0030029
SENSISpec ELISA Crustaceans (Tropomyosin)	0.9	20 - 400 ppb	96 48	HU0030006 HU0030030
SENSISpec ELISA Egg White	50	0.4 - 10 ppm	96 48	HU0030007 HU0030031
SENSISpec ELISA Fish (Parvalbumin)	1400	4 - 100 ppm	96 48	HU0030008 HU0030032
SENSISpec ELISA Gliadin/Gluten	300	2 - 60 ppm	96 48	HU0030009 HU0030033
SENSISpec ELISA Hazelnut	300	1 - 40 ppm	96 48	HU0030010 HU0030034
SENSISpec ELISA Lupin	200	2 - 30 ppm	96 48	HU0030011 HU0030035
SENSISpec ELISA Lysozyme	2	25 - 250 ppb	96 48	HU0030012 HU0030036
SENSISpec ELISA Macadamia nut	100	1 - 40 ppm	96 48	HU0030013 HU0030037
SENSISpec ELISA Milk	50	0.4 - 10 ppm	96 48	HU0030014 HU0030038
SENSISpec ELISA Molluscs (Tropomyosin)	1.7	10 - 400 ppb	96 48	HU0030015 HU0030039
SENSISpec ELISA Mustard	1000	2 - 60 ppm	96 48	HU0030016 HU0030040
SENSISpec ELISA Ovalbumin	4	25 - 500 ppb	96 48	HU0030017 HU0030041
SENSISpec ELISA Peanut	100	1 - 40 ppm	96 48	HU0030019 HU0030043
SENSISpec ELISA Pecan nut	200	2 - 60 ppm	96 48	HU0030020 HU0030044
SENSISpec ELISA Pine nut	40	2 - 30 ppm	96 48	HU0030240 HU0030241
SENSISpec ELISA Pistachio	130	1 - 40 ppm	96 48	HU0030021 HU0030045
SENSISpec ELISA Sesame	200	2 - 30 ppm	96 48	HU0030022 HU0030046
SENSISpec ELISA Soy	16	40 - 1000 ppb	96 48	HU0030023 HU0030047
SENSISpec ELISA Total Soy Protein	200	2 - 36 ppm	96 48	HU0030075 HU0030076
SENSISpec ELISA Walnut	350	2 - 60 ppm	96 48	HU0030024 HU0030048

Dung dịch spike được cung cấp cho tất cả các bộ kit ELISA kiểm tra chất gây dị ứng.

Bộ kit ELISA SENSISpec phát hiện Gluten



Sản phẩm	LOD (ppb)	Khoảng định lượng	Số giếng	Mã sản phẩm
SENSISpec INgezim Gluten R5 - AOAC certified	3000	3-200 ppm	96	30.GLU.K.2.
SENSISpec INgezim Gluten Quick	3000	3-200 ppm	96	30.GL2.K.2.
SENSISpec INgezim Hydrolyzed Gluten	250	0.25-200 ppm	48	30.GLH.K.2.
SENSISpec INgezim Gluten Semi Q	10000	10-800 ppm	32	30.GSQ.K.2.



Các sản phẩm bổ trợ



Sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
SENSISpec Wash Buffer	60 ml	HU0030074
SENSISpec Extraction Additive	100 g	HU0030100
SENSISpec Ingezim Gluten Extraction Additive	110 ml 1 L	S.30.GLUT07211c S.30.GLUT07210d

Vật liệu kiểm soát chất gây dị ứng



Sản phẩm	Sử dụng cùng các bộ kit ELISA kiểm tra chất gây dị ứng	Mã sản phẩm
Allergen Control Material - Key Allergens	Beta-Lactoglobulin, Casein, lòng trắng trứng, Gluten, sữa, đậu nành, tổng protein đậu nành	HU0030140
Allergen Control Material - Maritime	Động vật giáp xác, cá, động vật thân mềm	HU0030141
Allergen Control Material - Seeds	Lupin, mù tạt, mè	HU0030143
Allergen Control Material - Nuts	Hạnh nhân, hạt Brazil, hạt điều dứa, phỉ macadamia, đậu phộng, hồ đào, hồ trăn, óc chó	HU0030142

SENSISwab Swabbing Solution



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số lượng que lấy mẫu	Mã sản phẩm
SENSISwab kit	Dung dịch lấy mẫu 10 mL, 5 tấm bông lấy mẫu, 5 ống mẫu 10x5: gói 10 bộ kit swab	5 50	HU0030101 HU0030102

DNAllergen2 PCR Kits **NEW!**



Tên sản phẩm / Chỉ tiêu phát hiện	Mã sản phẩm
DNAllergen2 Mustard	HU0030215
DNAllergen2 Celery	HU0030216
DNAllergen2 Soy	HU0030217
DNAllergen2 Lupine	HU0030218
DNAllergen2 Sesame	HU0030219
DNAllergen2 Fish	HU0030221
DNAllergen2 Crustacean	HU0030222
DNAllergen2 Molluscs	HU0030223
DNAllergen2 Almond	HU0030225

Tên sản phẩm / Chỉ tiêu phát hiện	Mã sản phẩm
DNAllergen2 Peanut	HU0030224
DNAllergen2 Pistachio	HU0030226
DNAllergen2 Walnut	HU0030227
DNAllergen2 Hazelnut	HU0030228
DNAllergen2 Cashew	HU0030229
DNAllergen2 Pecan nut	HU0030233
DNAllergen2 Brazil nut	HU0030234
DNAllergen2 Macadamia nut	HU0030235

SENSIStrip Lateral Flow Tests



Bộ kit Lateral Flow	LOD – Sản phẩm cuối	LOD – Bề mặt	Số lần xét nghiệm	Mã sản phẩm
SENSIStrip Almond	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030110
SENSIStrip Beta-Lactoglobulin	100 ppb	0.27 ng/cm ²	20	HU0030111
SENSIStrip Casein	0.5 ppm	0.001 µg/cm ²	20	HU0030112
SENSIStrip Casein PowerLine	1 ppm	0.003 µg/cm ²	20	HU0030242
SENSIStrip Cashew	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030113
SENSIStrip Cashew PowerLine NEW!	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030207
SENSIStrip Coconut	5 ppm	0.013 µg/cm ²	20	HU0030114
SENSIStrip Crustaceans (Tropomyosin)	25 ppb	0.2 ng/cm ²	20	HU0030115
SENSIStrip Egg White	0.5 ppm	0.001 µg/cm ²	20	HU0030116
SENSIStrip Egg Protein PowerLine NEW!	1 ppm	0.003 µg/cm ²	20	HU0030202
SENSIStrip Fish	6 ppm	16 ng/cm ²	20	HU0030117
SENSIStrip Fish PowerLine NEW!	6 ppm	16 ng/cm ²	20	HU0030271
SENSIStrip Gluten	4 ppm	1.6 ng/cm ²	20	HU0030118
SENSIStrip Gluten PowerLine	4 ppm	1.6 ng/cm ²	20	HU0030134
SENSIStrip Hazelnut	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030119
SENSIStrip Lupin	0.3 ppm	0.001 µg/cm ²	20	HU0030120
SENSIStrip Lysozyme	50 ppb	0.13 ng/cm ²	20	HU0030121
SENSIStrip Macadamia nut	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030122
SENSIStrip Milk Protein	1 ppm	0.003 µg/cm ²	20	HU0030123
SENSIStrip Milk Protein PowerLine	1 ppm	0.004 µg/cm ²	20	HU0030138
SENSIStrip Multi Tree Nut	N/A	0.16 µg/cm ²	20	HU0030136
SENSIStrip Mustard	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030125
SENSIStrip Ovalbumin	0.1 ppm	0.001 µg/cm ²	20	HU0030126
SENSIStrip Brazil nut	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030127
SENSIStrip Peanut	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030128
SENSIStrip Peanut PowerLine	5 ppm	0.013 µg/cm ²	20	HU0030137
SENSIStrip Pecan nut	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030129
SENSIStrip Pistachio	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030130
SENSIStrip Sesame	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030131
SENSIStrip Total Soy Protein PowerLine	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030135
SENSIStrip Total Soy Protein	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030132
SENSIStrip Walnut	2.5 ppm	0.007 µg/cm ²	20	HU0030133

Que thử dạng strip có sẵn với quy cách 5 test mỗi bộ.

RapidScan Lateral Flow Assay Reader



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã đặt hàng
RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader	Thiết bị di động được thiết kế chuyên biệt cho các ứng dụng kiểm nghiệm tại hiện trường và trong quá trình sản xuất, yêu cầu kết quả từ định tính đến bán định lượng.	LFSCAN002
LFD Reader Adapter for allergen strips	Bộ adapter cho que thử SENSIStrip allergens LFD, dùng với máy đọc RapidScan ST5-W LFD	LFA0030001



PHÂN TÍCH VITAMIN

Vitamin là những chất dinh dưỡng thiết yếu cho sự tăng trưởng, phát triển và duy trì hoạt động của tế bào, mô và các cơ quan trong cơ thể. Vitamin được phân loại thành hai nhóm chính: tan trong nước và tan trong chất béo. Ở người có 13 loại vitamin, gồm: 4 vitamin tan trong chất béo: A, D, E và K, 9 vitamin tan trong nước: 8 vitamin nhóm B và vitamin C.

Những dưỡng chất này thường được bổ sung thông qua thực phẩm hoặc thực phẩm bổ sung. Vì vậy, các sản phẩm này cần được kiểm nghiệm hàm lượng vitamin để đáp ứng các yêu cầu ghi nhãn theo quy định. Chúng tôi cung cấp các bộ kit ELISA và cột ái lực miễn dịch (Immunoaffinity Columns – IAC) để phát hiện và tinh sạch các vitamin sau: Biotin (Vitamin H hoặc Vitamin B7), Axit folic (Folic acid), Vitamin B12.

SENSISpec ELISA Vitamin Kits



Sản phẩm	LOD (ppb)	Khoảng định lượng	Số giếng	Mã sản phẩm
SENSISpec ELISA Vitamin B12	Phụ thuộc vào phương pháp chuẩn bị mẫu	0,4-40 ng/ml	96	HU0030400
SENSISpec ELISA Biotin (Vitamin B7)	Phụ thuộc vào phương pháp chuẩn bị mẫu	1-25 ng/ml	96	HU0030401
SENSISpec ELISA Folic Acid	Phụ thuộc vào phương pháp chuẩn bị mẫu	4-400 ng/ml	96	HU0030402

SENSIColumn Vitamin Immunoaffinity Columns



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
SENSIColumn IAC Biotin*	Xác định hàm lượng Biotin trong viên vitamin, các chế phẩm vitamin dạng lỏng, dịch chiết nuôi cấy tế bào, v.v.	3 ml x 50 columns	EFSA3175
SENSIColumn IAC Vitamin B12	Xác định hàm lượng Vitamin B12 (Cyanocobalamin) trong viên vitamin, các chế phẩm vitamin dạng lỏng, dịch chiết nuôi cấy tế bào, v.v.	3 ml x 50 columns	BTCA3185
SENSIColumn IAC Folic Acid	Xác định hàm lượng axit folic trong viên vitamin, các chế phẩm vitamin dạng lỏng, dịch chiết nuôi cấy tế bào, v.v.	3 ml x 50 columns	BTFS3195
*FITC-streptavidin-conjugate	Dung dịch liên hợp	1 mg x 25 vials	FITC-SA-Kon



TÁC NHÂN GÂY BỆNH TRONG THỰC PHẨM

Nâng cao tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của bạn với các giải pháp kiểm nghiệm mầm bệnh tiên tiến của chúng tôi! Việc phát hiện nhanh chóng và đáng tin cậy các tác nhân gây hại – bao gồm vi khuẩn, độc tố, virus và nhiều tác nhân khác – giúp bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ uy tín thương hiệu và giảm thiểu nguy cơ thu hồi sản phẩm tốn kém.

BACGene GO – Chỉ hai bước là xong!
Tiêu chuẩn mới trong kiểm nghiệm mầm bệnh trong thực phẩm

Tối ưu hóa quy trình phòng thí nghiệm của bạn chỉ với hai bước đơn giản – mang lại khả năng phát hiện mầm bệnh mạnh mẽ, hiệu quả và liền mạch.

Quy trình BACGene GO kết hợp độ chính xác và sự đơn giản với các ưu điểm nổi bật:

- **Kết quả chính xác** vào sáng sớm hôm sau, giúp đẩy nhanh quá trình xuất xưởng sản phẩm
- **Thời gian làm giàu linh hoạt**, thích ứng với các thời điểm tiếp nhận mẫu khác nhau
- **Đĩa PCR sẵn sàng sử dụng với thuốc thử đông khô**
- **Tích hợp enzyme UNG** để ngăn ngừa nhiễm chéo từ sản phẩm PCR trước đó
- **Tích hợp sẵn mẫu đối chứng dương**
- Quy trình vận hành chuẩn (SOP) thân thiện, giúp tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót
- Hiệu suất đã được chứng minh, được thẩm định theo tiêu chuẩn của các phương pháp nuôi cấy truyền thống, bao gồm NF Validation bởi AFNOR Certification và AOAC-PTM.
- Tương thích với nhiều nền tảng RT-PCR, như GSD Cyclor và các hệ thống khác.
- Phần mềm PURE nền tảng đám mây, giúp phân tích và diễn giải kết quả nhanh chóng và an toàn.





Solutions for Enrichment

Enrichment Media for BACGene

Sản phẩm	Quantity	Mã sản phẩm
BACGro™ ULTRA Listeria Broth	5 kg	1705
BACGro™ ULTRA Listeria Broth	10 kg	1710
BACGro™ ULTRA Listeria Broth ready-to-use NEW!	2 x 5 L	HU0060500
Actero™ Listeria Enrichment Media	500 g bottle	5613902001
Actero™ Listeria Enrichment Media	2 kg	5613902002
Actero™ Listeria Enrichment Media	10 kg	5613902010
Actero™ Listeria Enrichment Media, 2 x 5 L Mediabag	2 x 5 L	5613902005



Solutions for Analysis

Free DNA Removal

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	No. of reactions	Mã sản phẩm
PREraser BACGene	Elimination of free DNA from pathogen enrichments to be used in combination with BAC Gene kits	2 x 48 10 x 2 x 48	5123222301 5123222311

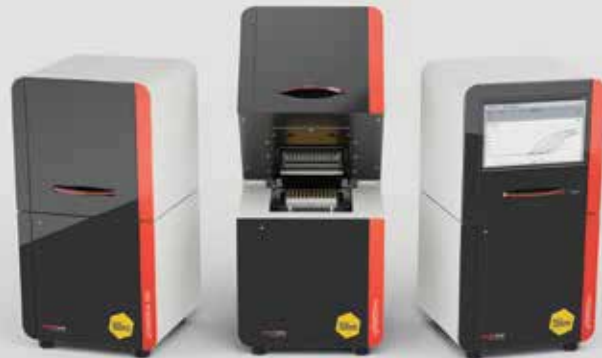
BACGene GO Real-Time PCR Kits **NEW!**

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số phản ứng	Mã sản phẩm
BACGene GO <i>Salmonella</i> spp.	Bộ kit Real-time RT-PCR phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	96	HU0060402
BACGene GO <i>Salmonella</i> Tranoroea	Bộ kit Real-time RT-PCR phát hiện <i>Salmonella</i> Tranoroea	96	HU0060408
BACGene GO <i>Listeria</i> spp.	Bộ kit Real-time RT-PCR phát hiện <i>Listeria</i> spp	96	HU0060403
BACGene GO <i>Listeria monocytogenes</i>	Bộ kit Real-time RT-PCR phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i>	96	HU0060404

BACGene GO Starter Package **NEW!**

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm
GSD Cyclor	Phiên bản GSD của hệ thống qTOWER iris (Analytik Jena*)	HU0060911
BACGene GO Lysis rack	Giá đỡ tối đa 96 ống ly giải dùng trong bước lysis	HU0060430
BACGene GO shaker	Máy lắc Co-Mix, nhỏ gọn, đa mục đích	V101001
Microplate centrifuge	Máy ly tâm microplate kèm rotor và khay đĩa	HU0060313
Single channel pipette	Pipet đơn kênh, thể tích 10–100 µL (VWR)	HU0060307
Multichannel pipette	Pipet đa kênh, thể tích 10–100 µL (VWR)	HU0060312
Tips	Đầu tip pipet không chứa DNA/Nuclease, có màng lọc 0–100 µL (VWR)	HU006031782

* Không bao gồm máy tính xách tay (Laptop).



Bộ kit BACGene Real-time PCR phát hiện vi khuẩn gây bệnh

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số phản ứng	Mã sản phẩm
BACGene <i>Salmonella</i> spp.	Real-time PCR phát hiện <i>Salmonella</i> spp. Được chứng nhận AOAC-PTM (#121501) và NF VALIDATION (EGS 38/01-03/15)	96 10 x 96	5123221801 5123221811
BACGene <i>Salmonella</i> Tranoroea	Real-time PCR dùng để nhận diện <i>S. enterica</i> serovar <i>Tranoroea</i> , sử dụng như biện pháp kiểm soát quy trình. Chứng nhận AOAC-PTM (#061701) và NF VALIDATION (EGS 38/05-03/17)	48	5123222801
BACGene <i>Listeria</i> Multiplex	Real-time PCR multiplex phát hiện <i>L. monocytogenes</i> & <i>Listeria</i> spp. Chứng nhận AOAC-PTM (#061701) và NF VALIDATION (EGS 38/05-03/17)	96 10 x 96	5123221901 5123221911
BACGene <i>Listeria</i> spp.	Real-time PCR dùng để phát hiện <i>Listeria</i> spp.. Chứng nhận AOAC-PTM (#061702) và NF VALIDATION (EGS 38/02-01/17)	96 10 x 96	5123222101 5123222111
BACGene <i>Listeria monocytogenes</i>	Real-time PCR dùng để nhận diện <i>Listeria monocytogenes</i> . Chứng nhận AOAC-PTM (#061703) và NF VALIDATION (EGS 38/03-01/17)	96 10 x 96	5123222001 5123222011
BACGene <i>E. coli</i> O157:H7	Real-time PCR dùng để nhận diện <i>E. coli</i> O157:H7. Chứng nhận AOAC-PTM (#22002) và NF VALIDATION (EGS 38/06-11/19)	96 10 x 96	5123222701 5123222711
BACGene Mplex STEC Screen	Real-time PCR dùng để phát hiện các gen độc lực STEC: stx1, stx2 và eae. Chứng nhận AOAC-PTM (#22003)	96 10 x 96	5123223001 5123223011
BACGene Mplex STEC SER Otype 1	Real-time PCR dùng để nhận diện 3 trong 6 serogroup STEC phổ biến nhất (Top6): O111, O103, O26	48	5123223101
BACGene Mplex STEC SER Otype 2	Real-time PCR dùng để nhận diện 3 serogroup còn lại trong Top6 STEC: O145, O121, O45	48	5123223201

Thiết bị xử lý chất lỏng OT-2 cho quy trình BACGene

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm
OT-2 Starter package	Hệ thống xử lý chất lỏng OT-2 gồm module và pipet để tự động hóa quy trình BACGene	HU0060910
P20 - 20 µL tip box (96)	Đầu tip lọc cho pipet P20	HU0060906
P300 - 200 µL tip box (96)	Đầu tip lọc cho pipet P300	HU0060907
Service Package	Gói bảo trì thiết bị hằng năm	HU0060908

Hạt IMS dùng cho bộ xét nghiệm BACGene *E. coli* STEC

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
<i>E. coli</i> O26	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543000
<i>E. coli</i> O45	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543010
<i>E. coli</i> O103	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543020
<i>E. coli</i> O111	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543030
<i>E. coli</i> O121	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543040
<i>E. coli</i> O145	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543050
<i>E. coli</i> O104:H4	Hạt từ tách chiết miễn dịch	5 ml	543060*
<i>E. coli</i> O157:H7	Hạt từ tách chiết miễn dịch	2 ml	543070

* Minimum order quantity: 5 kits

BACGene Accessory Items

Sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Dụng cụ đóng nắp MicroAmp dùng cho kit BACGene PCR/lysis		5613900401
Nắp vòm cho đĩa ly giải (Lysis Plate) dùng trong tách chiết DNA, dài 8 nắp x 300	300 dài 8 nắp	5613900301
Khay đỡ PCR màu vàng, bộ gồm 8 khay	8 khay	5617702208
Khay đỡ PCR màu xanh, bộ gồm 8 khay	8 khay	5617702209
Nắp quang học (Optical caps) dùng cho đĩa PCR, 1 túi gồm 120 dải	120 dải	5627710010
Khối làm lạnh màu xanh 96 giếng dùng cho bước ly giải		5613900501
Giá đỡ PCR màu vàng, 96 vị trí (1x96), kèm nắp		5613901301
Giá đỡ ly giải màu xanh, 96 vị trí (1x96), kèm nắp		5613901401



Solutions for Confirmation

Các bộ kit định danh vi khuẩn bằng phương pháp sinh hóa Microgen

Đây là dòng hệ thống định danh vi khuẩn đơn giản và đáng tin cậy dành cho ngành công nghiệp thực phẩm. Phương pháp này giúp định danh tác nhân gây bệnh đã được nuôi cấy trên các đĩa thạch, dựa trên sự thay đổi màu sắc của hệ thống xét nghiệm.

Sản phẩm	Mô tả	Mã sản phẩm
Microgen Listeria-ID	Hệ thống định danh <i>Listeria</i> spp., 20 xét nghiệm	MID67
Microgen GN-ID A	Hệ thống định danh các vi khuẩn Enterobacteriaceae thường gặp, 60 xét nghiệm	MID64
Microgen GN-ID B	Hệ thống định danh các Enterobacteriaceae thường gặp và các trực khuẩn Gram âm không khó nuôi cấy khác	MID65



Giải pháp lấy mẫu

Bộ kit Microgen Path-Chek

Các xét nghiệm dễ sử dụng để phát hiện vi sinh vật gây bệnh và dư lượng thực phẩm trên bề mặt làm việc và môi trường chế biến. Giải pháp này giúp đảm bảo hiệu quả của quy trình vệ sinh định kỳ bằng phương pháp nhanh chóng và tiết kiệm chi phí.

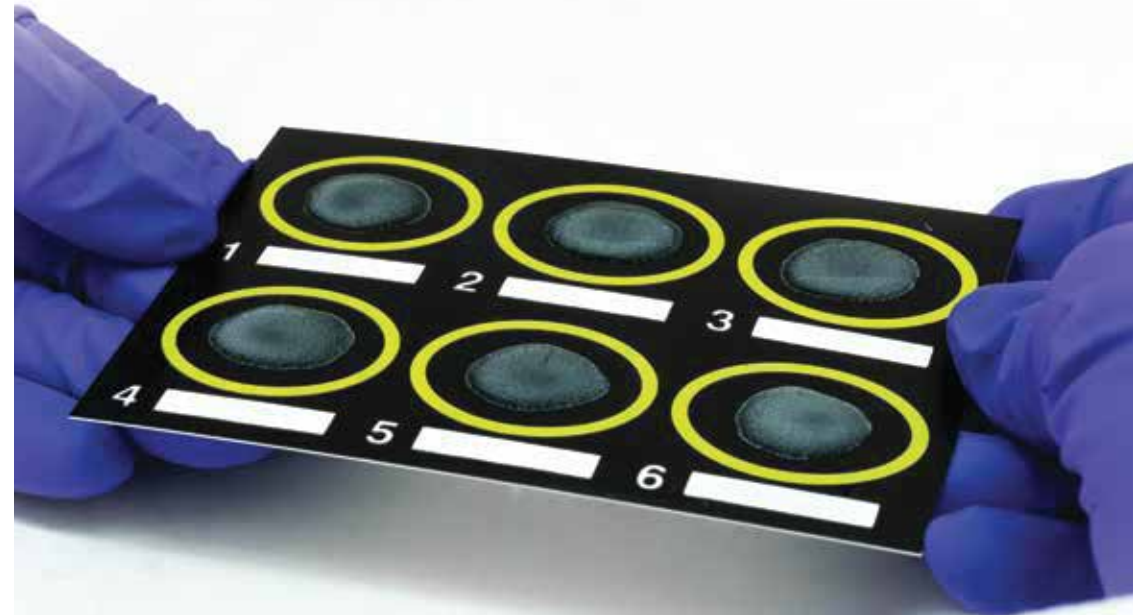
Sản phẩm	Mô tả	Mã sản phẩm
Path-Chek Listeria	Ống tầm bông chứa môi trường nuôi cấy chuyên biệt để phát hiện <i>Listeria</i> spp. trên bề mặt, 100 đơn vị	PC080
Path-Chek Salmonella	Ống tầm bông chứa môi trường nuôi cấy chuyên biệt để phát hiện <i>Salmonella</i> spp. trên bề mặt, 100 đơn vị	PC020
Path-Chek Coliforms	Ống tầm bông chứa môi trường nuôi cấy chuyên biệt để phát hiện vi khuẩn Coliform trên bề mặt, 100 đơn vị	PC010
Path-Chek Swabs	Tầm bông đã được làm ấm sẵn, sử dụng kết hợp với các môi trường định danh Path-Chek, 100 đơn vị	PCS100
Path-Chek Protein	Xét nghiệm nhanh phát hiện dư lượng thực phẩm (protein) trên bề mặt môi trường hoặc thiết bị chế biến, 50 bộ / 100 xét nghiệm	PC006
Path-Chek Heat Bath	Bể ố nhiệt dùng cho ủ mẫu trong phòng thí nghiệm, dải nhiệt độ: 5–100°C	PC-HB1

Microgen Latex Agglutination Kits

Giải pháp xác nhận vi khuẩn gây bệnh chỉ trong khoảng 2 phút. Phương pháp giúp định danh các khuẩn lạc đã phát triển trên môi trường nuôi cấy chọn lọc, với quy trình dễ sử dụng nhưng có độ nhạy và độ đặc hiệu cao.

Sản phẩm	Mô tả	Mã sản phẩm
Microgen Legionella Latex	Xét nghiệm ngưng kết latex nhanh để xác nhận các khuẩn lạc <i>Legionella</i> nghi ngờ, 50 xét nghiệm	M45
Microgen Salmonella Latex	Xét nghiệm ngưng kết latex nhanh để xác nhận các khuẩn lạc <i>Salmonella</i> nghi ngờ, 50 xét nghiệm	F42
Microgen Staphylococcus Latex	Xét nghiệm ngưng kết latex nhanh để xác nhận các khuẩn lạc <i>Staphylococcus</i> nghi ngờ, 50 xét nghiệm	M43

* Sản phẩm sẽ sớm được ra mắt.



CÁC VIRUS GÂY BỆNH TRONG THỰC PHẨM

Trước sự gia tăng của các đợt bùng phát dịch bệnh do virus từ thực phẩm, việc phát hiện sớm tác nhân đóng vai trò then chốt trong đảm bảo an toàn thực phẩm.

Trong nhiều trường hợp, ngay cả nồng độ virus rất thấp cũng có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe, chẳng hạn như nhiễm trùng đường tiêu hóa hoặc nhiễm trùng gan.

Giải pháp VIRSeek: Phát hiện virus gây bệnh trong thực phẩm

Giải pháp VIRSeek cung cấp quy trình làm việc toàn diện, tuân thủ tiêu chuẩn ISO-15216, từ tách chiết RNA đến phát hiện đặc hiệu norovirus nhóm gen I, norovirus nhóm gen II và virus viêm gan A. Ngoài ra, norovirus chuột (Murine Norovirus – MNV) được sử dụng như đối chứng quy trình, giúp giám sát quá trình tách chiết RNA.

Mỗi bộ kit trong giải pháp VIRSeek có thể được sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp trong quy trình tổng thể, đã được thẩm định trên các hệ thống Agilent AriaMx™ và Bio-Rad CFX96™ (Standard và Deep Well).

VIRSeek Qualitative Real-Time RT-PCR



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số phản ứng	Mã sản phẩm
VIRSeek Food Norovirus Genogroup I (NoVGI)	RT-PCR thời gian thực để phát hiện nhanh Norovirus nhóm gen I (NoVGI) trong mẫu thực phẩm	48	5728200201
VIRSeek Food Norovirus Genogroup II (NoVGII)	RT-PCR thời gian thực để phát hiện nhanh Norovirus nhóm gen II (NoVGII) trong mẫu thực phẩm	48	5728200301
VIRSeek Food Hepatitis A Virus (HAV)	RT-PCR thời gian thực để phát hiện nhanh virus viêm gan A (HAV) trong mẫu thực phẩm	48	5728200101
VIRSeek Food Hepatitis E Virus (HEV)	Bộ kit RT-PCR thời gian thực để phát hiện nhanh virus viêm gan E (HEV) trong mẫu thực phẩm	48	5728200501
VIRSeek Murine Norovirus (MNV)	Bộ kit RT-PCR thời gian thực để phát hiện nhanh Murine Norovirus (MNV), được sử dụng làm đối chứng quy trình	48	5728200801

VIRSeek RNA Extraction

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số phản ứng	Mã sản phẩm
VIRSeek RNAExtractor Food	Chiết xuất thủ công RNA của virus bằng các hạt từ phủ silica từ nhiều loại thực phẩm khác nhau (bao gồm: trái cây mềm, rau lá, rau thân và rau củ dạng củ, nước đông chai và động vật thân mềm hai mảnh vỏ), phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO.	48 x 500 µl or 96 x 250 µl sample input volume	5524401501

VIRSeek Food Process Control

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số phản ứng	Mã sản phẩm
VIRSeek Murine Norovirus (MNV) Process Control	Murine Norovirus (MNV) được sử dụng làm đối chứng quy trình (process control) nhằm thẩm định/xác nhận tính hợp lệ của quy trình thao tác	48	5728200401

Trong trường hợp bạn cần phát hiện SARS-CoV-2 trong các mẫu nước thải, vui lòng liên hệ với chúng tôi.



ĐỘC TỔ NẤM MỐC

Mycotoxin là các chất chuyển hóa thứ cấp có độc tính do nấm mốc sinh ra, phát triển trên nhiều loại cây trồng và thực phẩm khác nhau như ngũ cốc, các loại hạt, gia vị, trái cây sấy khô, táo và hạt cà phê. Mycotoxin gây nguy cơ đối với sức khỏe của con người, vật nuôi cảnh và gia súc, có thể dẫn đến nhiều tác động bất lợi cho sức khỏe. Không chỉ thực phẩm có nguồn gốc thực vật có nguy cơ bị nhiễm; sữa cũng có thể chứa aflatoxin M1, trong đó nồng độ aflatoxin M1 phụ thuộc vào lượng aflatoxin mà bò sữa hấp thụ thông qua thức ăn của chúng.

Chúng tôi cung cấp các giải pháp toàn diện cho sàng lọc mycotoxin, từ phát hiện sớm tại hiện trường bằng các xét nghiệm nhanh, đến nhiều bộ kit ELISA thông lượng cao với chi phí hiệu quả và các thiết bị phân tích, cũng như các thiết bị làm sạch mẫu dành cho các phòng thí nghiệm thực hiện xác nhận kết quả bằng các phương pháp phân tích bằng thiết bị.

Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các chương trình đào tạo tại hiện trường cùng với dịch vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm tùy chỉnh, kiểm chứng và thẩm định các ứng dụng của khách hàng, qua đó hoàn thiện danh mục sản phẩm và giải pháp.

TỪ TRANG TRẠI ĐẾN PHÒNG THÍ NGHIỆM: CÔNG NGHỆ CỦA CHÚNG TÔI HỖ TRỢ CÁC QUY TRÌNH KIỂM NGHIỆM THƯỜNG QUY CỦA BẠN.



TEST KITS

Lateral Flow Kits

- Bộ kit LFD SENSIStrip – giải pháp “phòng thí nghiệm trong lòng bàn tay”

ELISA Assays

- Bộ kit ELISA B ZERO® – giải pháp xét nghiệm hiệu quả về chi phí
- Bộ kit ELISA Celer® – xét nghiệm chuẩn hóa và thực hiện nhanh
- Bộ kit ELISA H2 – xét nghiệm ELISA nền dung môi nước
- Bộ kit ELISA I'screen – xét nghiệm ELISA độ nhạy cao



THIẾT BỊ & TỰ ĐỘNG HÓA

• RapidScan ST5-W LFD Reader

Nền tảng đọc hình ảnh có độ chính xác cao, linh hoạt, dễ sử dụng cho sàng lọc mycotoxin, thuốc bảo vệ thực vật, chất gây dị ứng và sinh vật biến đổi gen (GMO).

• GSD Absorbance 96 ELISA Reader

Máy đọc đĩa ELISA nhỏ gọn nhất, với tính năng vận hành đơn giản, không cài đặt phức tạp.

• ThunderBolt® and The BOLT™ ELISA Analyzers

Thiết bị phân tích ELISA tự động, thực hiện tự động hóa toàn bộ các bước của mọi phép thử trên đĩa, đã được thẩm định cho các bộ kit ELISA B ZERO® và Celer®.



CLEAN UP DEVICES

Cột ái lực miễn dịch SENSIColumn

- Danh mục cột IAC đa dạng cho hầu hết các mycotoxin đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.
- Giải pháp làm sạch mẫu đơn giản và đáng tin cậy, có thể áp dụng cho nhiều loại nền mẫu khác nhau.



DỊCH VỤ

Phát triển tùy chỉnh R&D

- Giải pháp tùy chỉnh dựa trên 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực mycotoxin.
- Đào tạo kỹ thuật và bảo trì thiết bị phân tích.

SENSIStrip Lateral Flow Tests



Sản phẩm	Chất phân tích	Ứng dụng	Số lượng test	Mã sản phẩm
SENSIStrip AFLA*	Tổng aflatoxin	Ngô, lúa mạch, cao lương, yến mạch tách vỏ, lúa mì, gạo lứt, đậu nành, thức ăn cho bò, đậu phộng, bột gluten ngô	20	R.30.AFL.K42/20
SENSIStrip AFLA*	Tổng aflatoxin		100	R.30.AFL.K42/100
SENSIStrip DON	Deoxynivalenol	Ngô, mầm ngô, bột gluten ngô, lúa mì, yến mạch nguyên hạt, lúa mì cứng, cao lương, gạo lứt, lúa mạch, lúa mạch đen	20	R.30.DON.K42/20
SENSIStrip DON	Deoxynivalenol		100	R.30.DON.K42/100

Thiết bị và phụ kiện SENSIStrip



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm
RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader	Máy đọc que thử của Gold Standard Diagnostics, phù hợp cho phân tích kỹ thuật số các chất gây dị ứng, GMO, thuốc bảo vệ thực vật và mycotoxin	LFSCAN002
RapidScan Reader Adapter for SENSIStrip Mycotoxin Strips	Khay đọc (adapter) cho que thử mycotoxin trên thiết bị RapidScan	LFA004002
MiniT Incubator for SENSIStrip Mycotoxin Strips	Tủ ủ nhỏ gọn giúp chuẩn hóa hiệu suất xét nghiệm trong mọi điều kiện môi trường	LFRINC002
Mini-Centrifuge	Thiết bị ly tâm nhỏ gọn (1,5-2ml) tối ưu thời gian xử lý mẫu, kèm adapter, tốc độ cố định 10.000 vòng/phút (rpm)	HU0040302
Extraction powder for 50g, compatible with SENSIStrip Mycotoxin Strips, (10 gói)	Bột chiết mẫu để phân tích 50 g mẫu theo yêu cầu của USDA-FGIS, tương thích với que thử mycotoxin SENSIStrip	R.00.049.3923002

Bộ kit ELISA định lượng B ZERO®



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
B ZERO® AFLA B1	Xét nghiệm miễn dịch được hiệu chuẩn theo đường cong chuẩn để định lượng aflatoxin B1 đặc hiệu	48	HU0040025
B ZERO® AFLA M1	Xét nghiệm miễn dịch hiệu chuẩn theo master-curve để định lượng aflatoxin M1	192 96 48	HU0040043 HU0040003 HU0040023
B ZERO® DON v2	Xét nghiệm miễn dịch hiệu chuẩn theo master-curve để định lượng deoxynivalenol	48	HU0040028
B ZERO® ZEA	Xét nghiệm miễn dịch hiệu chuẩn theo master-curve để định lượng zearalenone	48	HU0040027
B ZERO® FUMO	Xét nghiệm miễn dịch hiệu chuẩn theo master-curve để định lượng tổng fumonisin (fumonisin B1, B2 và B3)	48	HU0040034
B ZERO® OCHRA	Xét nghiệm miễn dịch hiệu chuẩn theo master-curve để định lượng ochratoxin A	48	HU0040035
B ZERO® T2	Xét nghiệm miễn dịch hiệu chuẩn theo master-curve để định lượng độc tố T-2 và HT-2	48	HU0040036

Bộ kit ELISA định lượng Celer®



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
Celer® AFLA B1	ELISA nhanh để định lượng aflatoxin B1 đặc hiệu	96 192	HU0040004 HU0040044
Celer® AFLA	ELISA nhanh để định lượng tổng aflatoxin	96 192	HU0040011 HU0040051
Celer® AFLA HS	ELISA nhanh độ nhạy cao để định lượng tổng aflatoxin	96 192	HU0040097 HU0040098
Celer® DON v3	ELISA nhanh để định lượng deoxynivalenol	96 192	HU0040009 HU0040049
Celer® ZEA	ELISA nhanh để định lượng zearalenone	96 192	HU0040006 HU0040046
Celer® FUMO	ELISA nhanh để định lượng tổng fumonisin	96 192	HU0040012 HU0040052
Celer® OCHRA	ELISA nhanh để định lượng ochratoxin	96 192	HU0040013 HU0040063
Celer® T2	ELISA nhanh để định lượng độc tố T-2 và HT-2	96 192	HU0040010 HU0040050

Bộ kit ELISA định lượng I'screen



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
I'screen AFLA M1	Xét nghiệm ELISA độ nhạy cao để định lượng aflatoxin M1 trong sữa và các sản phẩm từ sữa	96 192	HU0040002 HU0040042
I'screen AFLA M1 milk	Xét nghiệm ELISA độ nhạy cao để định lượng aflatoxin M1 trong sữa, LOD: 0,005 ppb	96 192	HU0040001 HU0040041

Bộ kit ELISA định lượng nền dung môi nước



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
H2AFLA	Bộ kit ELISA phân tích định lượng tổng aflatoxin trong nền dung môi nước	96	HU0040055
H2DON	Bộ kit ELISA phân tích định lượng deoxynivalenol trong nền dung môi nước	96	HU0040017

Bộ kit Patulin ABRAXIS® và các sản phẩm liên quan



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm
Patulin, ELISA, 96-test	Xét nghiệm ELISA định lượng patulin trong mẫu bị nhiễm. Khoảng đo: 7.0 – 300 ppb	500106
Patulin 1X6, ELISA, 96-test	Tương tự 500106, nhưng cấu hình cho phép thực hiện 6 lần chạy riêng biệt	500110
Patulin Standard & Control Set	Bộ chuẩn và kiểm soát bổ sung cho xét nghiệm Patulin ELISA	301102
Patulin Derivatization Set	Bộ dẫn xuất hóa bổ sung cho Patulin ELISA	301103
Patulin 10X Diluent	Dung dịch pha loãng mẫu/chuẩn Patulin 10X	301004
Patulin Strip Test NEW!	Bộ test nhanh patulin, dải đo 0.08 – 0.90 ppb (trong dung dịch đậm). Có thể đọc kết quả bằng RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader	500130 (5 Test) 500135 (20 Test)
Patulin Dipstick Control Solution NEW!	Dung dịch kiểm soát cho test que Patulin, 1 ml	500140

Cột ái lực miễn dịch SENSIColumn



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
SENSI Column IAC Aflatoxin M1	Cột ái lực miễn dịch giữ aflatoxin M1	3 ml x 50 columns	EFAFM3115
SENSI Column IAC Ochratoxin	Làm sạch dịch chiết từ mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có chứa ochratoxin A/B	3 ml x 50 columns	EFOT3125
SENSI Column IAC Ochratoxin SMART	Cột ái lực miễn dịch thiết kế chi phí thấp, dung lượng tải mẫu giảm, dùng cho tinh sạch ochratoxin	3 ml x 50 columns	EFOTS3125
SENSI Column IAC Deoxynivalenol	Cột ái lực miễn dịch giữ deoxynivalenol (DON) và tách khỏi các chất khác trong mẫu	3 ml x 50 columns	EFD03135
SENSI Column IAC Fumonisin	Cột ái lực miễn dịch giữ fumonisin và tách khỏi các chất khác trong mẫu	3 ml x 50 columns	EFFU3145
SENSI Column IAC Zearalenone	Cột ái lực miễn dịch giữ zearalenone và tách khỏi các chất khác trong mẫu	3 ml x 50 columns	EFZE3155
SENSI Column IAC Zearalenone SMART	Cột ái lực miễn dịch chi phí thấp, dung lượng tải mẫu giảm, dùng cho tinh sạch zearalenone	3 ml x 50 columns	EFZES3155
SENSI Column IAC T2/HT2	Cột ái lực miễn dịch giữ độc tố T-2 và tách khỏi các chất khác trong mẫu	3 ml x 50 columns	EFTE3165
SENSI Column IAC Combi Afla+Ochra	Làm sạch dịch chiết từ mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chứa aflatoxin và ochratoxin	3 ml x 50 columns	EFCA3215
SENSI Column IAC Combi Afla+Ochra+Zeara	Làm sạch dịch chiết từ mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chứa aflatoxin, ochratoxin và zearalenone	3 ml x 50 columns	EFCZ3225
SENSI Column IAC Combi Deoxynivalenol+Zearalenone	Làm sạch dịch chiết từ mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chứa deoxynivalenol và zearalenone	3 ml x 50 columns	EFCD3235
SENSI Column IAC Combi AOZDFT all in one for LC-MS/MS	Chiết đồng thời aflatoxin, ochratoxin, zearalenone, deoxynivalenol, fumonisin và độc tố T-2 trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, dùng cho phân tích LC-MS/MS	3 ml x 50 columns	EFCM3265

Supplementary Products



Sản phẩm	Số lượng xét nghiệm / Số lượng	Mã sản phẩm
Mycotoxin Extraction Solution A	500 ml	HU0040103
Milk diluent	12 ml	HU0040101
Extraction Buffers for Afla M1 in cheese samples	12 ml (Milk diluent) 20 ml (Extraction buffer)	HU0040102
Enzyme conjugate for Celer® AFLA B1 and B ZERO® AFLA B1	14 ml	HU0040104
Enzyme conjugate for Celer® DON v3 & B ZERO DON v2	14 ml	HU0040105
Enzyme conjugate for Celer® AFLA	14 ml	HU0040106
Enzyme conjugate for Celer® ZEA & B ZERO ZEA	14 ml	HU0040107
Enzyme conjugate for Celer® FUMO & B ZERO FUMO	14 ml	HU0040108
Enzyme conjugate for Celer® T2 & B ZERO T2	14 ml	HU0040109
Enzyme conjugate for Celer® OCHRA & B ZERO OCHRA	14 ml	HU0040110
Standard curve set for I'screen AFLA M1 milk	7 x 1,5 ml	HU0040111
Aflatoxin M1 supplementary standards for I'screen AFLA M1 and I'screen AFLA M1 milk	2 x 1,5 ml	HU0040112
Enzyme conjugate for Celer® AFLA HS	14 ml	HU0040099
Enzyme Conjugate for H2DON	14 ml	HU0040120





SINH VẬT BIẾN ĐỔI GEN (GMO)

Các cây trồng biến đổi gen (genetically modified – GM) được canh tác tại nhiều khu vực trên toàn thế giới, và việc sản xuất chúng đi kèm với khung pháp lý toàn cầu phức tạp và liên tục được cập nhật. Do đó, việc giám sát hàm lượng GMO không chỉ là yêu cầu pháp lý nghiêm ngặt mà còn là chìa khóa để đảm bảo tuân thủ các quy định thương mại quốc tế.

Phân tích GMO có thể được thực hiện tại hiện trường (on-site/field) hoặc trong phòng thí nghiệm kiểm nghiệm. Việc lựa chọn phương pháp xét nghiệm phù hợp phụ thuộc vào bản chất của mẫu, độ nhạy phân tích yêu cầu và thị trường mục tiêu.

Chúng tôi cung cấp danh mục giải pháp xét nghiệm GMO toàn diện, bao gồm các phương pháp xét nghiệm nhanh tại hiện trường cũng như các phương pháp phân tích sinh học phân tử chuyên sâu trong phòng thí nghiệm.

Xét nghiệm GMO bằng Real-time PCR

Danh mục sản phẩm xét nghiệm GMO của chúng tôi được thiết kế phù hợp với tình hình thị trường luôn biến động, cũng như tình trạng canh tác và phê duyệt GMO trên toàn cầu. Các bộ kit Real-time PCR cho xét nghiệm GMO đã được thẩm định trên nhiều hệ thống máy PCR khác nhau và có thể sử dụng cho sàng lọc, nhận diện và định lượng GMO.

Các bộ kit Real-Time PCR:

- GMOScreen: Bộ công cụ mô-đun gồm các xét nghiệm simplex & multiplex dùng cho sàng lọc GMO.
- GMOIdent: Bộ xét nghiệm dùng để nhận diện hoặc loại trừ các GMO.
- GMOQuant: Bộ xét nghiệm định lượng hàm lượng GMO trong mẫu.



Bộ kit ELISA & thiết bị dòng chảy ngang để phát hiện GMO

Các bộ kit ELISA cung cấp giải pháp chính xác và đáng tin cậy để xác định sự hiện diện hoặc vắng mặt của các đặc tính chuyển gen trong lá, hạt giống đơn lẻ hoặc mẫu ngũ cốc khối. Các thiết bị dòng chảy ngang (Lateral Flow Devices) của chúng tôi cho phép phát hiện GMO nhanh tại hiện trường trong bông, ngô, đậu tương và cải dầu / mù tạt.



Máy đọc RapidScan ST5-W LFD cho xét nghiệm GMO

Chúng tôi cung cấp phương pháp xét nghiệm dựa trên protein, nhanh và dễ sử dụng, nhằm nhận diện các nguyên liệu thô biến đổi gen như ngô, đậu tương và cải dầu trước khi chúng được chế biến thành sản phẩm cuối cùng. Thiết bị đọc cho phép phân tích và đọc kết quả định lượng trực tiếp tại hiện trường một cách dễ dàng, chỉ trong 10 phút.

Bộ kit SpeciesScreen, SpeciesIdent & SpeciesQuant

Các bộ kit Real-time PCR định tính dùng để sàng lọc và định danh các loài thực vật.



Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
SpeciesScreen RT IPC Plant	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện DNA thực vật tổng quát với đối chứng dương nội (IPC)	5421229401
SpeciesIdent RT IPC Corn/Maize (LR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện loài ngô với IPC	5421229901
SpeciesIdent RT IPC Soy (LR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện loài đậu tương với IPC	5421232001
SpeciesIdent Linseed IPC LR RT	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện hạt lanh với IPC	5421234401
SpeciesIdent RT IPC Cotton (LR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện loài bông với IPC	5421234001
SpeciesIdent RT IPC (LR) Rapeseed	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện cải dầu với IPC. Bao gồm toàn bộ thuốc thử và đối chứng	5421234101
SpeciesIdent RT IPC (LR) Rice	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện gạo với IPC	5421234201
SpeciesIdent RT IPC (LR) Tobacco	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện thuốc lá với IPC	5421234501
SpeciesIdent Tomato/Potato IPC LR RT	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện cà chua và khoai tây với IPC	5421234301
SpeciesIdent RT IPC Agrobacterium tumefaciens (LR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện vi khuẩn Agrobacterium tumefaciens với IPC	5421229801
SpeciesIdent RT IPC CaMV (LR/HR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện virus Cauliflower Mosaic Virus (CaMV) với IPC	5421229701
SpeciesQuant (LR) Botanical Impurity Soy	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện tạp chất thực vật từ đậu tương	5421233101
SpeciesQuant (UMM) Rice	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng để định lượng loài gạo	5122200010

GMOScreen Kits

Bộ kit Real-time PCR định tính cho sàng lọc và nhận diện GMO

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOScreen RT IPC (LR) bar	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện gen bar tự nhiên với IPC	5421227601
GMOScreen RT IPC (LR) CsVMV	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện CsVMV với IPC	5421245101
GMOScreen RT IPC (LR) NOS	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện trình tự kết thúc NOS với IPC	5421220201
GMOScreen RT IPC (LR) 35S Promoter	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc promoter p35S với IPC	5421228501
GMOScreen RT IPC (LR) CaMV 35S Terminator	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện trình tự kết thúc CaMV 35S với IPC	5421227105
GMOScreen RT IPC (LR) AgroBorder I	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện AgroBorder I với IPC	5421227501
GMOScreen RT IPC (LR) AgroBorder II	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện AgroBorder II với IPC	5421228401
GMOScreen RT IPC (LR) AgroBorder I/II	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện multiplex AgroBorder I và II với IPC	5421226201
GMOScreen RT IPC (LR) EPSPS modification	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện biến đổi gen EPSPS với IPC	5421228801
GMOScreen RT IPC (LR) nptII-gene	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện gen nptII với IPC	5421228601

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOScreen RT IPC (LR) pat(syn)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện gen pat tổng hợp với đối chứng dương nội (IPC)	5421227701
GMOScreen RT FMV/IPC (LR/HR+)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc promoter pFMV với IPC	5421220501
GMOScreen RT IPC (LR) cry1Ab/Ac	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện gen Cry1Ab/Ac với IPC	5421227901
GMOScreen RT IPC (LR) SAMS-ALS	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện biến đổi SAMS-ALS với IPC	5421226501
GMOScreen RT IPC (LR) ocs-terminator	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện trình tự kết thúc ocs với IPC	5421228101
GMOScreen gox/rbcS modification	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc biến đổi gen gox/rbcS	5421247301
GMOScreen RT IPC (LR/HR+) 35S-NPT	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện tổ hợp promoter CaMV p35S / gen NPTII với IPC	5421226901
GMOScreen RT IPC (LR/HR+) NOS-NPT	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện tổ hợp promoter NOS / gen NPTII với IPC	5421226801
GMOScreen 35S/NOS (BVL)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex p35S và tNOS	5421247201
GMOScreen RT IPC (LR) 35S/NOS	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex p35S và tNOS với IPC	5421220001
GMOScreen RT IPC (LR) 35S/NOS/FMV for ABI 7500 (Fast)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex pFMV, p35S và tNOS với IPC	5421220301
GMOScreen RT IPC CHN 35S/NOS/FMV	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện multiplex p35S / tNOS / pFMV với IPC, thiết kế riêng cho thị trường Trung Quốc	5421227106
GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC (LR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex p35S, tNOS và AgroBorder II với IPC	5421227101
GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC (NR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex p35S, tNOS và AgroBorder II với IPC	5421227102
GMOScreen RT IPC (LR) EPSPS/NOS/pat(syn)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex EPSPS / NOS terminator / pat(syn) với IPC	5421228701
GMOScreen RT IPC (NR) EPSPS/NOS/pat(syn)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex EPSPS / NOS terminator / pat(syn) với IPC	5421228702
GMOScreen CsVMV / CV127 / DP-305423 RT IPC	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex CsVMV / CV127 / DP305423-1 (đậu tương) với IPC	5421227104
GMOScreen CsVMV / CV127 / DP-305423 RT IPC LR	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex CsVMV / CV127 / DP305423-1 với IPC	5421227203
GMOScreen RT 35S/NOS/FMV IPC (NR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex pFMV, p35S và tNOS với IPC	5421220302
GMOScreen RT IPC (LR) CV127/SAMS-ALS	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện multiplex đậu tương CV127 và biến đổi SAMS-ALS với IPC	5421225601
GMOScreen RT IPC (LR) Event GA21/PMI-NOS	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Sàng lọc multiplex sự kiện GA21 và biến đổi pmi/NOS với IPC	5421227103
GMOScreen RT IPC (NR) ocs-terminator / Laurical™ / oxy-235 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện multiplex ocs terminator, Laurical™ và oxy-235 canola với IPC	5421228301
GMOScreen ubi/gat modification RT IPC (LR / HR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện biến đổi ubi/gat với IPC	5421227801
GMOScreen RT IPC (LR) RB7 MAR Element	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng. Phát hiện RB7 MAR Element với IPC	5421246601



Bộ kit xét nghiệm GMO dành cho ngô/bắp

Các xét nghiệm định tính và định lượng

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOIdent RT Bt176 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu biến đổi Bt176 ở ngô	5421240301
GMOIdent RT Event Bt11 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện Bt11 ở ngô	5421225401
GMOIdent RT IPC (LR) LY038 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu biến đổi LY038 ở ngô, kèm đối chứng dương nội (IPC)	5421241201
GMOIdent RT IPC (LR) DP-098140-6 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện DP-098140-6 ở ngô	5421246501
GMOIdent RT IPC (LR) Event 3272 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện 3272 ở ngô, kèm IPC	5421243501
GMOIdent RT IPC (LR) Event Bt10 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện Bt10 ở ngô, kèm IPC	5421246701
GMOIdent RT IPC (LR) Event DAS-59122-7 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện DAS-59122-7 ở ngô, kèm IPC	5421245001
GMOIdent RT IPC (LR) Event GA21 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện GA21 ở ngô, kèm IPC	5421245401
GMOIdent RT IPC (LR) Event MIR162 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MIR162 ở ngô, kèm IPC	5421245601
GMOIdent RT IPC (LR) Event MIR604 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MIR604 ở ngô, kèm IPC	5421245701
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON810 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON810 ở ngô, kèm IPC	5421241301
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON863 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON863 ở ngô, kèm IPC	5421243401
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87403 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON87403 ở ngô, kèm IPC	5421244301
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87411 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON87411 ở ngô, kèm IPC	5421244201
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87427 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON87427 ở ngô, kèm IPC	5421244401
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON88017 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON88017 ở ngô, kèm IPC	5421244001
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON89034 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON89034 ở ngô, kèm IPC	5421243801
GMOIdent RT IPC (LR) Event MZHGOJG Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MZHGOJG ở ngô, kèm IPC	5421245301
GMOIdent RT IPC (LR) Event NK603 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện NK603 ở ngô, kèm IPC	5421243201
GMOIdent RT IPC (LR) Event T25 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện T25 ở ngô, kèm IPC	5421244901
GMOIdent RT IPC (LR) Event TC1507 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện TC1507 ở ngô, kèm IPC	5421243301
GMOIdent RT IPC (LR/HR) Event 5307 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện 5307 ở ngô, kèm IPC	5421230801
GMOIdent RT IPC Event DAS-40278-9 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện DAS-40278-9 ở ngô, kèm IPC	5421226001
GMOIdent RT IPC Event DP-004114-3 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện DP-004114-3 ở ngô, kèm IPC	5421242201

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOIdent RT IPC Event T14 Corn (LR only)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện T14 ở ngô, kèm đối chứng dương nội (IPC)	5421230401
GMOIdent RT IPC Event VCO-01981-5 Corn (LR only)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện VCO-01981-5 ở ngô, kèm IPC	5421230201
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87460 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện đặc hiệu sự kiện MON87460 ở ngô, kèm IPC	5421243901
GMOIdent Event 3272 / Bt176 / MON863 Corn RT IPC LR	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex các sự kiện 3272 / Bt176 / MON863 ở ngô, kèm IPC	5421243601
GMOIdent RT IPC (LR) MIR162/ MIR604/ 5307 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex MIR162 / MIR604 / 5307 ở ngô, kèm IPC	5421245501
GMOIdent RT IPC (LR) MON87411/ MON87403/ MON87427 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex MON87411 / MON87403 / MON87427 ở ngô, kèm IPC	5421244101
GMOIdent RT IPC (LR) MON87460/ MON89034/ MON88017 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex MON87460 / MON89034 / MON88017 ở ngô, kèm IPC	5421243701
GMOIdent RT IPC (LR) T25/ DP-004114-3/ DAS-59122-7 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex T25 / DP-004114-3 / DAS-59122-7 ở ngô, kèm IPC	5421244801
GMOIdent RT IPC (LR) TC1507/ MON810/ NK603 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex TC1507 / MON810 / NK603 ở ngô, kèm IPC	5421243101
GMOIdent RT IPC (NR) 3272/ Bt176/ MON863 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex 3272 / Bt176 / MON863 ở ngô, kèm IPC	5421243602
GMOIdent RT IPC (NR) MIR162/ MIR604/ 5307 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex MIR162 / MIR604 / 5307 ở ngô, kèm IPC	5421245502
GMOIdent RT IPC (NR) MON87411/ MON87403/ MON87427 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex MON87411 / MON87403 / MON87427 ở ngô, kèm IPC	5421244102
GMOIdent RT IPC (NR) MON87460/ MON89034/ MON88017 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex MON87460 / MON89034 / MON88017 ở ngô, kèm IPC	5421243702
GMOIdent RT IPC (NR) T25/ DP-004114-3/ DAS-59122-7 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex T25 / DP-004114-3 / DAS-59122-7 ở ngô, kèm IPC	5421244802
GMOIdent RT IPC (NR) TC1507/ MON810/ NK603 Corn	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex TC1507 / MON810 / NK603 ở ngô, kèm IPC	5421243102
GMOIdent VCO-01981-5 / DAS-40278-9 / Ly038 Corn IPC (NR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex VCO-01981-5 / DAS-40278-9 / LY038 ở ngô, kèm IPC	5421230502
GMOIdent VCO-01981-5 / DAS-40278-9 / Ly038 Corn IPC (LR)	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng dùng để phát hiện multiplex VCO-01981-5 / DAS-40278-9 / LY038 ở ngô, kèm IPC	5421230501
GMOQuant (LR) Event 3272 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện 3272 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125207601
GMOQuant (LR) Event 5307 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện 5307 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125222401
GMOQuant (LR) Event Bt11 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện Bt11 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125206501
GMOQuant (LR) Event Bt176 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện Bt176 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125209401
GMOQuant (LR) Event DAS-59122-7 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện DAS-59122-7 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125208201
GMOQuant (LR) Event GA21 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện GA21 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125204601
GMOQuant (LR) Event MIR162 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện MIR162 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125209701
GMOQuant (LR) Event MIR604 Corn	Bộ kit RT-PCR, 48 phản ứng dùng để định lượng đặc hiệu sự kiện MIR604 ở ngô, sử dụng DNA ngô (hmgA) làm gen tham chiếu	5125206401

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOQuant (LR) Event MIR604 Corn	Bộ kit RT-PCR định lượng Event MIR604 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125206401
GMOQuant (LR) Event MON810 Corn	Bộ kit RT-PCR định lượng Event MON810 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125207801
GMOQuant (LR) Event MON863 Corn	Bộ kit RT-PCR định lượng Event MON863 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125208001
GMOQuant (LR) Event MON87427 Corn	Bộ kit RT-PCR định lượng Event MON87427 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125222501
GMOQuant (LR) Event MON88017 Corn	Bộ kit định lượng Event MON88017 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125207301
GMOQuant (LR) Event MON89034 Corn	Bộ kit định lượng Event MON89034 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125206701
GMOQuant (LR) Event NK603 Corn	Bộ kit định lượng Event NK603 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit.	5125204401
GMOQuant (LR) Event TC1507 Corn	định lượng Event TC1507 (Herculex I™) trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125209301
GMOQuant (UMM) Event DP-098140-6 Corn	Bộ kit định lượng Event DP-098140-6 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA) 48 phản ứng/kit	5125221401
GMOQuant (UMM) Event T25 Corn (EuRL method)	Bộ kit định lượng Event T25 trên ngô theo EuRL method, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125208501
GMOQuant IPC (LR) 35S Screen Corn	Bộ kit RT-PCR screening trình tự CaMV 35S promoter trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA) và IPC, 48 phản ứng/kit	5125224001
GMOQuant IPC (LR) Event DAS-40278-9 Corn	Bộ kit định lượng Event DAS-40278-9 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA) và IPC, 48 phản ứng/kit	5125222701
GMOQuant IPC (LR) NOS Screen Corn	Bộ kit screening trình tự NOS terminator trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125224101
GMOQuant IPC (LR/HR) Event DP-004114-3 Corn	Bộ kit định lượng Event DP-004114-3 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA) và IPC, 48 phản ứng/kit	5125223701
GMOQuant (LR) 35S/Event GA21 Corn	Bộ kit RT-PCR duplex GMO screening cho CaMV 35S promoter và Event GA21, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit	5125222801
GMOQuant Duplex (LR) MIR162/ MIR604 Corn	Bộ kit RT-PCR duplex định lượng Event MIR162 và MIR604 trên ngô, dùng DNA tham chiếu (hmgA), 48 phản ứng/kit.	5125222201
GMOQuant Duplex IPC (LR) 35S/ NOS Corn	Bộ kit RT-PCR duplex định lượng CaMV 35S promoter và NOS terminator, dùng DNA tham chiếu (hmgA) và IPC, 48 phản ứng/kit	5125223801



Bộ kit xét nghiệm GMO cho đậu tương

Các xét nghiệm định tính và định lượng

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOIdent RT Event A5547-127 Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event A5547-127 trên đậu tương	5421223701
GMOIdent RT IPC (LR) DAS-81419-2 Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event DAS-81419-2 trên đậu tương, có IPC.	5421245901
GMOIdent RT IPC (LR) Event DAS-44406-6 Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event DAS-44406-6 trên đậu tương, có IPC	5421245801
GMOIdent RT IPC (LR) Event FG72Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event FG72 trên đậu tương, có IPC	5421240701
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87701Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event MON87701 trên đậu tương, có IPC	5421241701
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87705 Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event MON87705 trên đậu tương, có IPC	5421244701
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON87769 Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event MON87769 trên đậu tương, có IPC	5421230701
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON89788 Soy	Kit RT-PCR phát hiện Event MON89788 trên đậu tương, có IPC	5421241101

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOIdent RT IPC (LR) Event SYHT0H2 Soy	RT-PCR phát hiện Event SYHT0H2 ở đậu nành, có IPC	5421246401
GMOIdent RT IPC (LR/HR) Event DP-356043-5 Soy	RT-PCR phát hiện Event DP-356043-5 ở đậu nành, có IPC	5421242301
GMOIdent RT IPC Event A2704-12 Soy (LR)	RT-PCR phát hiện Event A2704-12 ở đậu nành, có IPC	5421226101
GMOIdent RT IPC Event CV127 Soy (LR)	RT-PCR phát hiện Event CV127 ở đậu nành, có IPC	5421240501
GMOIdent RT IPC Event DAS-68416-4 Soy (LR)	RT-PCR phát hiện Event DAS-68416-4 ở đậu nành, có IPC	5421240101
GMOIdent RT IPC Event DP-305423-1 Soy (LR)	RT-PCR phát hiện Event DP-305423-1 ở đậu nành, có IPC	5421240601
GMOIdent RT IPC Event MON87708 Soy (LR)	RT-PCR phát hiện Event MON87708 ở đậu nành, có IPC	5421240401
GMOIdent RT IPC Event MON87751 Soy	RT-PCR phát hiện Event MON87751 ở đậu nành, có IPC	5421241801
GMOIdent RT IPC Roundup Ready™ Soy	RT-PCR phát hiện Roundup Ready™ ở đậu nành, có IPC	5421242601
GMOIdent RT IPC (LR) MON87708 Soy	RT-PCR phát hiện Event MON87708 ở đậu nành, có IPC	5421244601
GMOIdent RT IPC (LR) DAS-44406-6 / DAS-81419-2 / DAS-68416-4 Soy	RT-PCR multiplex detection các Event DAS-44406-6 / DAS-81419-2 / DAS-68416-4 ở đậu nành, có IPC	5421246001
GMOIdent RT IPC (LR) MON87708 / MON87701 / MON87705 Soy	RT-PCR multiplex detection các Event MON87708 / MON87701 / MON87705 ở đậu nành, có IPC	5421244501
GMOIdent RT IPC (NR) DAS-44406-6 / DAS-81419-2 / DAS-68416-4 Soy	RT-PCR multiplex detection các Event DAS-44406-6 / DAS-81419-2 / DAS-68416-4 ở đậu nành, có IPC	5421246002
GMOIdent RT IPC (NR) MON87708 / 87701 / 87705 Soy	RT-PCR multiplex detection các Event MON87708 / 87701 / 87705 ở đậu nành, có IPC	5421244502
GMOQuant (LR) AgroBorder II Screen Soy	RT-PCR quantitation AgroBorder II Screen ở đậu nành	5125222001
GMOQuant (LR) 35S Screen Soy	RT-PCR quantitation 35S Screen ở đậu nành	5125207201
GMOQuant (LR) Event A2704-12 Soy	RT-PCR quantitation Event A2704-12 ở đậu nành	5125206801
GMOQuant (LR) Event DAS-68416 Soy_3067	RT-PCR quantitation Event DAS-68416 ở đậu nành	5125223201
GMOQuant (LR) Event MON87708 Soy	RT-PCR quantitation Event MON87708 ở đậu nành	5125223301
GMOQuant (LR) Event MON87769 Soy	RT-PCR quantitation Event MON87769 ở đậu nành	5125222601
GMOQuant (UMM*) Event A5547-127 Soy	RT-PCR quantitation Event A5547-127 ở đậu nành	5125220601
GMOQuant (UMM*) Event CV127 Soy	RT-PCR quantitation Event CV127 ở đậu nành	5125220701
GMOQuant (UMM*) Event DP-305423-1 Soy	RT-PCR quantitation Event DP-305423-1 ở đậu nành	5125207501
GMOQuant (UMM*) Event DP-356043-5 Soy	RT-PCR quantitation Event DP-356043-5 ở đậu nành	5125220201
GMOQuant (UMM*) Event MON87701 Soy	RT-PCR quantitation Event MON87701 ở đậu nành	5125220301
GMOQuant (UMM*) Event MON87705 Soy	RT-PCR quantitation Event MON87705 ở đậu nành	5125221601
GMOQuant IPC (LR) 35S Screen Soy	RT-PCR quantitation 35S Screen ở đậu nành, có IPC	5125225001
GMOQuant IPC (LR) CsVMV Screen Soy	RT-PCR quantitation CsVMV Screen ở đậu nành, có IPC	5125225101
GMOQuant IPC (LR) Event FG72 Soy	RT-PCR quantitation Event FG72 ở đậu nành, có IPC	5125224901
GMOQuant IPC (LR) Event MON89788 Soy	RT-PCR quantitation Event MON89788 ở đậu nành, có IPC	5125224301
GMOQuant IPC (LR) NOS Screen Soy	RT-PCR quantitation NOS Screen ở đậu nành, có IPC	5125224701
GMOQuant IPC (LR) Roundup Ready™ Soy	RT-PCR quantitation Roundup Ready™ ở đậu nành, có IPC	5125224201
GMOQuant IPC (LR/HR) Event MON87751 Soy	RT-PCR quantitation Event MON87751 ở đậu nành, có IPC	5125223501
GMOQuant Duplex (LR) 35S/AgroBorder II Soy	RT-PCR duplex quantitation 35S và AgroBorder II ở đậu nành	5125222301
GMOQuant Duplex (LR) 35S/MON89788 Soy	RT-PCR duplex quantitation 35S và Event MON89788 ở đậu nành	5125210001
GMOQuant Duplex IPC (LR) FG72/CsVMV Modification Soy	RT-PCR duplex quantitation FG72 / CsVMV Modification ở đậu nành, có IPC	5125224801
GMOQuant Duplex IPC GST-40-3-2 Modification/ Event MON89788 Soy kit	RT-PCR duplex quantitation GST-40-3-2 Modification và Event MON89788 ở đậu nành, có IPC	5125223901



Bộ kit xét nghiệm GMO trong cải dầu

Các xét nghiệm định tính và định lượng

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOIdent RT IPC (LR) Event DP-073496-4 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event DP-073496-4 ở cải dầu, có IPC	5421243001
GMOIdent RT IPC (LR) Event MON88302 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event MON88302 ở cải dầu, có IPC	5421242901
GMOIdent RT IPC (LR) Event RT73 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event RT73 (GT73) ở cải dầu, có IPC	5421242801
GMOIdent RT IPC (LR) Laurical™ Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện biến đổi Laurical™ ở cải dầu, có IPC	5421242401
GMOIdent RT IPC (LR) oxy-235 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện biến đổi oxy-235 ở cải dầu, có IPC	5421242501
GMOIdent RT IPC Event T45 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event LibertyLink™ T45 ở cải dầu, có IPC	5421223501
GMOIdent RT IPC (LR) RT73/T45/MON88302 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để multiplex detection các Event RT73, T45 và MON88302 ở cải dầu, có IPC	5421242701
GMOIdent RT IPC (NR) RT73/T45/MON88302 Canola	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để multiplex detection các Event RT73, T45 và MON88302 ở cải dầu, có IPC	5421242702
GMOQuant IPC (LR) Event MON88302 Canola	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event MON88302 ở cải dầu, kèm DNA tham chiếu cải dầu (FatA(A)), 48 phản ứng	5125224401
GMOQuant IPC (LR) Event RT73 Canola	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event RT73 ở cải dầu, kèm DNA tham chiếu cải dầu (FatA(A)), 48 phản ứng	5125224601
GMOQuant IPC (LR) patsyn Screen Canola	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation gen pat(syn), kèm DNA tham chiếu cải dầu (FatA(A)), 48 phản ứng	5125225301
GMOQuant(UMM) Event T45 Canola	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event T45 ở cải dầu, kèm DNA tham chiếu cải dầu (cruA), 48 phản ứng	5125208401
GMOQuant (UMM*) Event Rf3 Rapeseed	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event Rf3 ở cải dầu, kèm DNA tham chiếu cải dầu (cruA), 48 phản ứng	5125209101
GMOQuant (UMM*) Event MS8 Rapeseed	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event MS8 ở cải dầu, kèm DNA tham chiếu cải dầu (cruA), 48 phản ứng	5125209001
GMOQuant Duplex IPC (LR) RT73/MON88302 Canola	Bộ kit RT-PCR dùng để multiplex quantitation và detection Event RT73 và MON88302 ở cải dầu, kèm DNA tham chiếu cải dầu (FatA(A)), 48 phản ứng	5125224501



Bộ kit xét nghiệm GMO cho bông

Các xét nghiệm định tính và định lượng

Tên kit	Mô tả	Mã sản phẩm
GMOIdent RT (LR) Event GHB614 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event GHB614 ở bông, có IPC	5421241001
GMOIdent RT Event LLCotton25 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event LLCotton25™ (ACS-GH001-3) ở bông	5421224101
GMOIdent RT Event MON1445 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event MON1445 ở bông	5421222901
GMOIdent RT Event MON15985 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event Bollgard2™ (MON15985) ở bông	5421224001
GMOIdent RT Event MON531 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event Bollgard™ (MON531/MON15985) ở bông	5421223901
GMOIdent RT Event MON88913 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event RR Flex (MON88913) ở bông	5421223401
GMOIdent RT IPC (LR) Event 281-24-236 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event 281-24-236 ở bông, có IPC	5421241501
GMOIdent RT IPC (LR) Event 3006-210-23 Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện Event 3006-210-23 ở bông, có IPC	5421241601
GMOIdent RT IPC (LR/HR+) VIP3Aa Cotton	Bộ kit RT-PCR, 96 phản ứng, dùng để phát hiện đặc hiệu gene Vip3Aa (VipCot™ cotton), có IPC	5421226301
GMOQuant (HR) 35S Screen Cotton	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation trình tự promoter CaMV 35S, kèm DNA tham chiếu bông (sad), 48 phản ứng	5115202801
GMOQuant (LR) Event 281-24-236 Cotton	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event 281-24-236 (DAS-24236-5) ở bông, kèm DNA tham chiếu bông (SAD1), 48 phản ứng	5125221101
GMOQuant (LR) Event 3006-210-23 Cotton	Bộ kit RT-PCR dùng để quantitation Event 3006-210-23 (DAS-21023-5) ở bông, kèm DNA tham chiếu bông (SAD1), 48 phản ứng	5125220901

Bộ kit xét nghiệm GMO cho các loài khác

Khi bạn cần tìm bộ kit xét nghiệm cho thuốc lá, lanh, gạo hoặc các loài khác, vui lòng liên hệ với đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật của chúng tôi.



Bộ kit xét nghiệm GMO bằng ELISA



Bộ kit ELISA định tính

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
Cry1Ac/Ab ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô / đậu nành; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 007
Cry2A ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô / đậu nành; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 008
CP4EPSPS (RR) ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô / đậu nành / cải dầu; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 011
Cry1Ac/Cry2A Combined ELISA Kit	Dùng cho bông; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 017
PAT/bar ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô / cải dầu / đậu nành; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 018
Vip3A ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 023
PAT/pat ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô / cải dầu / đậu nành; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 027
Cry1F ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 004
Modified Cry3A ELISA Kit	Dùng cho ngô; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 052
Cry3Bb ELISA Kit	Dùng cho ngô; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 053
Chinese Fusion ELISA Kit	Dùng cho bông; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 006
Cry1F Quantitative ELISA Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 101F
PAT/bar Quantitative ELISA Kit	Dùng cho mù tạt; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 102F
Cry1Ac/Ab Quantitative ELISA Kit	Dùng cho bông; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 103F
Cry2A Quantitative ELISA Kit	Dùng cho bông; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 105F
Cry1EC ELISA Kit	Dùng cho bông / thầu dầu; mẫu lá đơn hoặc hạt	96	AID 020
Barnase ELISA Kit	Mẫu phân hoa từ cải dầu / mù tạt	96	AID 019
Barstar ELISA Kit	Mẫu phân hoa từ cải dầu / mù tạt	96	AID 016
Buffalo Milk Identification Elisa Kit	Test ELISA nhanh 15 phút để phát hiện tối đa 5% sữa trâu pha trộn trong sữa bò, dê hoặc cừu. Chỉ áp dụng cho sữa tươi nguyên liệu (tươi hoặc đông lạnh). (Độ nhạy: 5% sữa trâu)	96	AID 063
Cow Milk Identification Elisa Kit	Test ELISA nhanh 15 phút để phát hiện tối đa 5% sữa bò pha trộn trong sữa trâu, dê hoặc cừu. Chỉ áp dụng cho sữa tươi nguyên liệu (tươi hoặc đông lạnh). (Độ nhạy: 5% sữa bò)	96	AID 064

Thiết bị Lateral Flow phát hiện GMO



Bộ kit Lateral Flow định tính cho mẫu hạt số lượng lớn

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số strip	Mã sản phẩm
CP4EPSPS (RR) LFS Kit	Dùng cho đậu nành / cải dầu; mẫu hạt số lượng lớn (0.1%)	100	AID 040
CP4EPSPS (RR) LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu hạt số lượng lớn (0.1%)	100	AID 043
Cry1Ac/Ab LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu hạt số lượng lớn (độ nhạy: 0.25% cho bông & 0.8% cho ngô)	100	AID 044
Cry2A LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu hạt số lượng lớn (độ nhạy: 0.25% cho bông & 1% cho ngô)	100	AID 046
Vip3A LFS Kit	Dùng cho ngô; mẫu hạt số lượng lớn (0.25%)	100	AID 048
Cry1F LFS Kit	Dùng cho ngô; mẫu hạt số lượng lớn (0.5%)	100	AID 050
Cry3Bb/eCry3.1Ab LFS Kit	Dùng cho ngô; mẫu hạt số lượng lớn (0.5%)	100	AID 058
Cry3Bb LFS Kit	Dùng cho ngô; mẫu hạt số lượng lớn (0.2%)	100	AID 060

Bộ kit Lateral Flow định tính cho mẫu lá/hạt đơn lẻ



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số strip	Mã sản phẩm
Cry1Ac/Ab LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 032
Cry1F LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 033
Cry2A LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 026
Vip3A LFS Kit	Dùng cho bông / ngô; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 031
CP4EPSPS (RR) LFS Kit	Dùng cho bông / ngô / đậu nành / cải dầu; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 025

Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số strips	Mã sản phẩm
PAT/Pat LFS Kit	Dùng cho ngô / đậu nành; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 029
Cry1Ac/Cry2A LFS Kit	Dùng cho bông; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 038
Cry1Ab/CP4EPSPS (RR) LFS Kit	Dùng cho bông; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 036
Cry1Ac/Cry2A/CP4EPSPS (RR) LFS Kit	Dùng cho bông; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 035
CP4 EPSPS/Vip3A LFS Kit	Dùng cho bông; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 037
PAT/bar LFS Kit	Dùng cho cải dầu; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 049
Modified Cry3A LFS Kit	Dùng cho ngô; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 057
Cry3Bb LFS Kit	Dùng cho ngô; mẫu lá hoặc hạt đơn lẻ	100	AID 054
Micro Pestles	Nghiền mẫu dùng cho tissue homogenizer trong LFS Kit	100 Pestles	AID MP01

Các bộ kit ELISA GMO và protein bổ sung



Sản phẩm	Format	Số lượng	Mã sản phẩm
ABRAXIS * CP4 EPSPS*	ELISA Plate	96 tests	510101
Cry1Ab	Protein	10 µg	300003
Cry1Ac	Protein	10 µg	250020
Cry2A	Protein	10 µg	250040

* Minimum order quantity: 5 kits

Bộ kit Lateral Flow định lượng cho mẫu hạt số lượng lớn

Que thử GMO Lateral Flow

dùng cho thiết bị đọc RapidScan ST5-W Lateral Flow



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm
CP4 EPSPS (RR) Quantitative LFS Kit – Soybean & Canola	LFS dùng để kiểm tra CP4EPSPS trong mẫu hạt số lượng lớn của đậu nành và cải dầu bằng RapidScan (độ nhạy: 0.05% cho đậu nành & 0.1% cho cải dầu), 100 strips	EAID 101
CP4 EPSPS (RR) Quantitative LFS Kit – Corn	LFS dùng để kiểm tra CP4EPSPS trong mẫu hạt số lượng lớn của ngô bằng RapidScan (độ nhạy: 0.1% cho ngô), 100 strips	EAID 102
Vip3A Quantitative LFS Kit – Corn	LFS dùng để kiểm tra Vip3A trong mẫu hạt số lượng lớn của ngô bằng RapidScan (độ nhạy: 0.2% cho ngô), 100 strips	EAID 103
Cry3Bb Quantitative LFS Kit – Corn	LFS dùng để kiểm tra Cry3Bb trong mẫu hạt số lượng lớn của ngô bằng RapidScan (độ nhạy: 0.5% cho ngô), 100 strips	EAID 104

Thiết bị đọc xét nghiệm Lateral Flow RapidScan ST5-W



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm
RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader	Thiết bị cầm tay được thiết kế cho các ứng dụng kiểm tra tại hiện trường và trong quá trình sản xuất, cho kết quả từ định tính đến bán định lượng. Tương thích với các test lateral flow của Gold Standard Diagnostics cho GMO, allergen, glyphosate và algal toxins.	LFRSCAN002
LFD Reader Adapter for GMO strips	Adapter cho GMO LFD strips, sử dụng với RapidScan ST5-W LFD Reader	LFA0060001

TÁCH CHIẾT ACID NUCLEIC

Các phòng thí nghiệm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và hạt giống thường gặp nhiều thách thức trong quá trình tách chiết DNA. Sự đa dạng cao của loại mẫu, sự hiện diện của các chất ức chế và hiệu suất DNA thấp có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các phương pháp phân tích tiếp theo như PCR testing.

DNA chất lượng cao là điều kiện tiên quyết để các phương pháp này hoạt động hiệu quả. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp tách chiết DNA phù hợp với loại mẫu là rất quan trọng. Danh mục kit của chúng tôi cung cấp các phương pháp tách DNA cho nhiều loại mẫu khác nhau.

Tách chiết DNA tự động với iMAGo Food

Đáp ứng nhu cầu của các phòng thí nghiệm xử lý mẫu số lượng lớn trong thời gian ngắn (công suất cao), iMAGo Food sử dụng công nghệ magnetic-bead tự động để tách genomic DNA hiệu quả từ nhiều loại ma trận mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

Ưu điểm chính

- Thu hồi lên đến 180 µg DNA khi sử dụng các mẫu thô như hạt ngô (hiệu suất DNA phụ thuộc vào loại ma trận và hiệu quả nghiền mẫu).
- Sử dụng trên các hệ thống mở như KingFisher Flex System và Allsheng Auto-Pure 96.
- Nhiều loại ma trận mẫu đã được xác nhận với một workflow duy nhất.
- Workflow đã được xác nhận đầy đủ với các hệ thống GMO Real-Time PCR.
- Quy trình hóa học không sử dụng dung môi độc hại.

Danh mục tách chiết DNA



Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
iMAGo Food	Kit dùng để tách chiết DNA chất lượng cao từ mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng công nghệ magnetic-bead tự động. Thiết kế để sử dụng trên các hệ thống tự động mở như KingFisher™ Flex System và Allsheng Auto-Pure 96.	96	5524421001
GENESpin	Cột ly tâm nền silica dùng để tách chiết genomic DNA từ mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, gồm reagents và vật tư tiêu hao	50	5224400605
DNA Cleaning Columns	Spin-columns dùng cho bước tinh sạch DNA bổ sung, kèm vật tư và reagents.	100	5224700310

Lưu ý: nếu cần quy cách đóng gói lớn hơn, vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh tại địa phương.



DƯ LƯỢNG THUỐC THÚ Y VÀ PHỤ GIA

Thuốc thú y thường được sử dụng trong chăn nuôi nhằm điều trị và phòng ngừa bệnh, tăng trọng, cũng như giúp làm dịu động vật trong quá trình vận chuyển. Các loại thuốc này bao gồm một nhóm phức tạp với hàng trăm hợp chất khác nhau, thuộc nhiều nhóm hóa học và lĩnh vực điều trị khác nhau như: kháng sinh, thuốc chống ký sinh trùng, thuốc kháng viêm không steroid, các chất kích thích tăng trưởng như hormone steroid và beta-agonists, cùng nhiều nhóm khác.

Việc sử dụng rộng rãi thuốc thú y trong chăn nuôi gây ra nhiều lo ngại, vì sự tồn dư của các chất này trong thực phẩm có nguồn gốc động vật có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe con người, chẳng hạn như độc tính gan và thận, tác dụng phụ, phản ứng dị ứng, vô sinh, ung thư, và đặc biệt là thực phẩm nhiễm dư lượng thuốc có thể thúc đẩy tình trạng kháng kháng sinh.

Bộ kit ELISA phát hiện dư lượng thuốc thú y và phụ gia thức ăn chăn nuôi

Chúng tôi cung cấp các giải pháp hỗ trợ toàn diện cho nhu cầu của các ngành thịt, sữa, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, thú y và các lĩnh vực liên quan khác. Danh mục sản phẩm bao gồm ELISA dùng cho phân tích định lượng và các lateral flow tests dùng cho phân tích nhanh các chất trong các loại mẫu như thịt, trứng, sữa, mật ong, cá, giáp xác, nhuyễn thể và thức ăn chăn nuôi.

Các chất phân tích bao gồm:

Antimicrobials	• Ivermectin	Steroids and RALS
• Sulfonamides *	• ABRAXIS® Salinomycin	• Zeranol
• Tetracyclines	• ABRAXIS® Monensin	• Trenbolone
• Quinolones *		
• Streptomycin	Beta-agonists	Khác
• Tylosin	• Clenbuterol	• Corticosteroids *
• Chloramphenicol		
• Nitrofurans metabolites (AOZ, AMOZ, SEM, AHD)		
• Penicillin		

(*) Broad range kit: kit này có thể nhận diện nhiều loại thuốc khác nhau thuộc cùng một nhóm hoạt chất.

Ưu điểm chính của bộ kit ELISA VDR

- I'screen: bộ kit ELISA dùng để phát hiện mức dư lượng thuốc rất thấp cũng như sự hiện diện của nhiều chất ô nhiễm có cấu trúc tương tự.
- Quy trình phân tích nhanh (rapid assays) với thời gian ủ chỉ 45 phút (áp dụng cho các nhóm dẫn xuất nitrofurans)

I'screen Quantitative ELISA Test Kits



Sản phẩm	Đối tượng phân tích	Mô tả sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
I'screen SULFA	Sulfonamides family	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Sulfonamides	96	HU0050003
I'screen STREPTO	Streptomycin	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Streptomycin	96	HU0050013
I'screen TYLOSIN	Tylosin	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Tylosin	96	HU0050020
I'screen CAP	Chloramphenicol	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Chloramphenicol	96	HU0050001
I'screen CAP v2	Chloramphenicol	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Chloramphenicol trong thủy sản (phiên bản v2)	96	HU0050002
I'screen QUINO	Fluoroquinolones	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Fluoroquinolones	96	HU0050004
I'screen TRENBOLONE	Trenbolone	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Trenbolone	96	HU0050022
I'screen ZERANOL	Zeranol	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Zeranol	96	HU0050023
I'screen CORTICO	Corticosteroids	Bộ kit ELISA dùng để định lượng Corticosteroids	96	HU0050007
β-agonists (clenbuterol) ELISA kit	Clenbuterol	Bộ kit ELISA dùng để định lượng nhóm Beta-agonists	96	HU0050018
I'screen AOZ Rapid	AOZ	Bộ kit ELISA nhanh dùng để định lượng nhanh chất chuyển hóa furazolidone (AOZ)	96	HU0050034
I'screen AMOZ Rapid	AMOZ	Bộ kit ELISA nhanh dùng để định lượng nhanh chất chuyển hóa furaltadone (AMOZ)	96	HU0050035
I'screen SEM Rapid	SEM	Bộ kit ELISA nhanh dùng để định lượng nhanh chất chuyển hóa nitrofurazone trong thủy sản (SEM)	96	HU0050036
I'screen AHD Rapid	AHD	Bộ kit ELISA nhanh dùng để định lượng nhanh chất chuyển hóa nitrofurantoin (AHD)	96	HU0050037

Các bộ kit khác phát hiện dư lượng thuốc thú y và phụ gia



Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
SENSISpec Tetracycline	Đĩa ELISA	96 giếng	HU0050014
SENSISpec Penicillin	Đĩa ELISA	96 giếng	HU0050017
Ivermectin/Abamectin, ELISA, 96-test*	Đĩa ELISA	96 giếng	5142B
ABRAXIS® Melamine, ELISA, 96-test	Đĩa ELISA	96 giếng	50005B
ABRAXIS® Monensin, ELISA, 96-test*	Đĩa ELISA	96 giếng	515785
ABRAXIS® Progesterone, Bovine Pregnancy (Milk/Serum/Plasma), ELISA, 96-test	Đĩa ELISA	96 giếng	5081M
ABRAXIS® Salinomycin/Narasin, ELISA, 96-test	Đĩa ELISA	96 giếng	515795
ABRAXIS® Sulfamethoxazole (SMX), ELISA, 96-test*	Đĩa ELISA	96 giếng	522003
ABRAXIS® Melamine, Diluent	Đĩa ELISA	250 mL	50005D
ABRAXIS® Melamine, Extraction Suspension	Đĩa ELISA	500 mL	50005E
ABRAXIS® Ionophore Sample Diluent	Đĩa ELISA	700 mL	301341
Salinomycin Conjugate Diluent	Đĩa ELISA	800 mL	300767

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit

HÓA CHẤT THỰC PHẨM

Acrylamide là một hợp chất hóa học được hình thành tự nhiên trong các thực phẩm giàu tinh bột khi được chế biến ở nhiệt độ cao (trên 120 °C / 248 °F), chẳng hạn như chiên, nướng hoặc rang. Hợp chất này được xem là mối quan ngại tiềm tàng đối với sức khỏe cộng đồng.

ABRAXIS® Acrylamide-ES ELISA là một xét nghiệm miễn dịch (immunoassay) được thiết kế để phát hiện acrylamide. Phép thử này phù hợp cho phân tích định lượng và/hoặc định tính acrylamide trong các mẫu thực phẩm, bao gồm snack khoai tây và snack ngô.

ABRAXIS® Acrylamide

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Acrylamide Derivatization Kit*	Đĩa ELISA	96 tests	515676
Acrylamide-ES	Đĩa ELISA & Derivatization*	96 tests	515690

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit

BIOGENIC AMINE

Histamine là một amin sinh học (biogenic amine) được hình thành thông qua phản ứng khử carboxyl có xúc tác enzyme từ amino acid histidine. Histamine có thể đi vào cơ thể con người thông qua thực phẩm và do đó có thể gây ra tình trạng không dung nạp thực phẩm dạng giả dị ứng.

Các trường hợp không dung nạp thực phẩm do nồng độ histamine tăng cao thường được đặc trưng về mặt lâm sàng bởi các triệu chứng như phát ban, tiêu chảy, nôn, buồn nôn, ngứa, đau đầu và hen suyễn. Mức độ phản ứng phụ thuộc vào lượng histamine được hấp thụ.

Bên cạnh hiện tượng không dung nạp histamine, còn tồn tại các phản ứng độc tính do nồng độ histamine rất cao gây ra. Nồng độ histamine ở mức gây độc, có thể dẫn đến phản ứng scombroid, thường xuất hiện sau khi thực phẩm giàu protein bị phân hủy do vi khuẩn, đặc biệt là cá.

Histamine thường được tìm thấy trong phô mai, cá, rau bina (spinach), các sản phẩm hun khói và rượu vang đỏ. Các bộ kit của chúng tôi cung cấp phương pháp phát hiện histamine nhanh, kinh tế và có độ nhạy cao trong các mẫu rượu vang, cá hoặc phô mai.



Histamine Kits

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
SENSISpec ELISA Histamine	Đĩa	96 tests	HU0030200
SENSISpec ELISA Histamine Rapid	Đĩa	96 tests	HU0030201

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit





XÁC ĐỊNH LOÀI ĐỘNG VẬT

Việc xác định loài động vật trong các sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi ngày càng trở nên quan trọng do các mối quan ngại liên quan đến sức khỏe cộng đồng, yếu tố kinh tế và yêu cầu pháp lý. Ngoài ra, các tiêu chí tôn giáo và đạo đức cũng có thể bị ảnh hưởng trong trường hợp xảy ra gian lận thực phẩm (food adulteration). Để xác minh tính xác thực của sản phẩm, các phòng thí nghiệm kiểm nghiệm thực phẩm cần những phương pháp phân tích đáng tin cậy có khả năng trả lời các vấn đề này.

Việc áp dụng các phương pháp phân tích đặc hiệu có thể xác định liệu các nguyên liệu thay thế có giá thấp hơn có đang được sử dụng thay cho các sản phẩm cao cấp, ví dụ như thịt gà thay cho thịt gà tây hoặc sữa bò thay cho sữa dê. Đảm bảo rằng thực phẩm vegetarian hoặc vegan không chứa bất kỳ dấu vết nào của sản phẩm có nguồn gốc động vật là yếu tố thiết yếu để duy trì uy tín thương hiệu. Chúng tôi cũng cung cấp các giải pháp tách chiết và tinh sạch DNA cho nhiều loại ma trận mẫu khác nhau, bao gồm cả các ma trận đã qua chế biến mạnh, chẳng hạn như gelatin tinh khiết.

DNAnimal Kits

Dòng sản phẩm DNAnimal cung cấp một phổ rộng các bộ kit real-time PCR có độ nhạy cao dành cho hầu hết các loài động vật nuôi phổ biến, cũng như các ứng dụng chuyên biệt như kiểm tra halal.

Phần lớn các bộ kit DNAnimal có khả năng phát hiện loài hoặc nhóm phân loại (taxonomic group) mục tiêu với độ nhạy lên tới 0,01%. Một số bộ kit chuyên biệt (ví dụ DNAnimal Ident Pig HS) sử dụng đích mitochondrial DNA thậm chí còn đạt độ nhạy cao hơn.

DNAnimal Screen

- Các bộ kit bao phủ nhiều nhóm phân loại động vật khác nhau
- Phù hợp cho nhiều chiến lược kiểm nghiệm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, ví dụ: kiểm tra thực phẩm vegan hoặc vegetarian

DNAnimal Ident

- Sử dụng để xác định hoặc loại trừ sự hiện diện của từng loài động vật cụ thể

Lợi ích chính

- Multiplex kits cho phép phát hiện tổng cộng 12 loài động vật, giúp tăng hiệu suất xét nghiệm trong phòng thí nghiệm.
- Các bộ kit đã được thẩm định trên nhiều hệ thống thermocycler khác nhau.
- Tích hợp IPC (internal positive control) nhằm loại trừ kết quả âm tính giả.
- Đã trải qua quy trình thẩm định độ đặc hiệu (specificity) và độ nhạy (sensitivity) toàn diện.
- Cho kết quả ổn định và đáng tin cậy.
- Có sẵn bộ kit tách chiết DNA cho nhiều loại ma trận mẫu khác nhau.

Bộ kit DNAnimal – Phát hiện đa mục tiêu



Bộ kit	Mô tả sản phẩm	IPC	Số lượng	Mã sản phẩm
DNAnimal Screen Halal IPC (LR)	Phát hiện DNA của heo và ngựa & lừa	+	96 phản ứng	5422221210
DNAnimal Mplex Horse&Donkey/Cattle/Chicken	Phát hiện DNA của ngựa & lừa, bò và gà	+	96 phản ứng	HU0070004
DNAnimal Mplex Goat/Pig/Bison	Phát hiện DNA của dê, heo và bò rừng	+	96 phản ứng	HU0070003
DNAnimal Mplex Water buffalo/Turkey/Sheep	Phát hiện DNA của trâu nước, gà tây và cừu	+	96 phản ứng	HU0070002
DNAnimal Mplex Rabbit/Muscovy Duck/Mallard Duck	Phát hiện DNA của thỏ, vịt xiêm và vịt trời	+	96 phản ứng	HU0070001

Bộ kit DNAnimal Screen – Phát hiện một mục tiêu

Bộ kit	Mô tả sản phẩm	IPC	Số lượng	Mã sản phẩm
DNAnimal Screen Mammal & Bird IPC	Phát hiện DNA của động vật có vú và chim	+	96 phản ứng	5422212110
DNAnimal Screen Ruminant IPC	Phát hiện DNA của động vật nhai lại	+	96 phản ứng	5422211110
DNAnimal Screen Fish IPC	Phát hiện DNA của cá	+	96 phản ứng	5422211310
DNAnimal Screen Bird IPC	Phát hiện DNA của chim	+	96 phản ứng	5422211410

Bộ kit DNAnimal Ident – Phát hiện đơn mục tiêu

Bộ kit	Mô tả sản phẩm	IPC	Số lượng	Mã sản phẩm
DNAnimal Ident Beef IPC	Phát hiện DNA của bò (<i>Bos taurus</i>), bison và các loài thuộc chi <i>Bos</i> khác	+	96 phản ứng	5422220610
DNAnimal Ident Pork IPC	Phát hiện DNA của heo (<i>Sus scrofa domestica</i> và <i>Sus scrofa</i>)	+	96 phản ứng	5422211910
DNAnimal Ident Pig HS IPC (LR)	Phát hiện DNA của heo dành cho mẫu có hàm lượng DNA thấp (ví dụ: gelatin)	+	96 phản ứng	5422211810
DNAnimal Ident Chicken IPC (LR)	Phát hiện DNA của gà (<i>Gallus gallus</i>)	+	96 phản ứng	542221010
DNAnimal Ident Duck IPC	Phát hiện DNA của vịt (<i>Anas platyrhynchos</i> và <i>Cairina moschata</i>)	+	96 phản ứng	5422220410
DNAnimal Ident Goose IPC	Phát hiện DNA của ngỗng	+	96 phản ứng	5422220810
DNAnimal Ident Turkey IPC	Phát hiện DNA của gà tây	+	96 phản ứng	5422211510
DNAnimal Ident Goat IPC	Phát hiện DNA của dê	+	96 phản ứng	5422211610
DNAnimal Ident Sheep IPC	Phát hiện DNA của cừu	+	96 phản ứng	5422211710
DNAnimal Ident Horse IPC (LR)	Phát hiện DNA của ngựa	+	96 phản ứng	5422220110
DNAnimal Ident Water Buffalo IPC (LR)	Phát hiện DNA của trâu nước	+	96 phản ứng	5422220910
DNAnimal Ident Donkey (LR)	Phát hiện DNA của lừa	-	96 phản ứng	5422220210





MÔI TRƯỜNG VÀ NƯỚC

Nước là nguồn tài nguyên quý giá được quản lý nghiêm ngặt bởi các quy định về môi trường trên toàn thế giới. Việc kiểm soát chất lượng nước không chỉ giới hạn ở nước uống mà còn mở rộng ra nước bề mặt, nước ngầm, và nước thải công nghiệp.

Do sự đa dạng của các ứng dụng kiểm tra chất lượng nước, tính linh hoạt là yếu tố quan trọng và mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng trong việc đáp ứng các mục tiêu kiểm tra cụ thể. Các phương pháp phân tích truyền thống trong phòng thí nghiệm thường tốn kém và mất nhiều thời gian. Các bộ kit xét nghiệm thương mại của chúng tôi cho phép kiểm tra chính xác ngay tại hiện trường, cung cấp kết quả gần như theo thời gian thực để hỗ trợ việc ra quyết định quan trọng, đồng thời thường có chi phí thấp hơn so với các phương pháp truyền thống.

Bộ kit ABRAXIS® cho môi trường và nước

Chúng tôi cung cấp các giải pháp xét nghiệm tiên tiến, cho kết quả gần như theo thời gian thực, có thể thực hiện tại hiện trường hoặc trong phòng thí nghiệm đối với mẫu nước và môi trường.

Độc tố tảo

Các sản phẩm phát hiện độc tố tảo của chúng tôi có nhiều định dạng và ứng dụng khác nhau nhằm đáp ứng các mục tiêu kiểm tra đa dạng của khách hàng. Danh mục kit bao gồm bộ kit ELISA định lượng dạng plate cũng như bộ kit lateral flow bán định lượng/định tính. Chúng tôi nắm giữ giấy phép độc quyền trên toàn thế giới đối với kháng thể microcystins đặc hiệu ADDA, do đó là nhà sản xuất thương mại duy nhất của bộ kit Microcystins ADDA theo EPA Method 546.

Ngoài ra, chúng tôi cũng cung cấp các giải pháp xét nghiệm cho Cyindrospermopsin, Saxitoxin, Anatoxin-a, Brevetoxin, Anabaenopeptin, Okadaic acid, Domoic acid và BMAA trong nhiều loại mẫu khác nhau.

Thuốc bảo vệ thực vật

Chúng tôi cung cấp Glyphosate ELISA kit duy nhất hiện có trên thị trường được AOAC phê duyệt, sử dụng cho các ma trận mẫu gồm Durum Wheat, Whole Oats, Groats, Yellow Peas và Red Lentils.

Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các phương pháp phát hiện glyphosate định lượng (quantitative) và định tính (qualitative) bằng ELISA và lateral flow dipstick trong nhiều matrix khác nhau, bao gồm nước, cà phê, ngũ cốc (grains), cây họ đậu (legumes) và oats.

Các test kit dành cho thuốc bảo vệ thực vật khác bao gồm: 2,4-D, Atrazine, DDE/DDT, Diuron, Fluridone, Imidacloprid, Metolachlor, Organophosphates/Carbamates, Pyrethroids và Trifluralin.

Hóa chất công nghiệp / Hydrocarbon

Một số hợp chất cốt lõi của chúng tôi là phát triển các antibody có độ nhạy và độ đặc hiệu cao đối với các phân tử nhỏ. Chúng tôi cung cấp các test kit để phát hiện nhiều loại tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

Các chỉ thị cho hoạt tính sinh học

Một số hợp chất có trong các sản phẩm tiêu dùng có thể được sử dụng như marker phản ánh bioactivity của con người. Chúng tôi cung cấp các assay định lượng để đo lường các biomarker này trong mẫu môi trường.

Thiết bị

Chúng tôi cung cấp nhiều loại reader và các thiết bị liên quan tương thích với các rapid test kit, bao gồm ELISA plate reader, tube reader và test strip reader. Danh mục thiết bị của chúng tôi hỗ trợ cả xét nghiệm tại hiện trường và xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, cũng như các ứng dụng từ định tính đến định lượng nhằm đáp ứng các nhu cầu kiểm nghiệm cụ thể của khách hàng.

Lợi ích chính

- Hơn 20 năm hợp tác với các cơ quan chính phủ chủ chốt, nhằm đáp ứng và vượt các yêu cầu của nhà nghiên cứu và ngành công nghiệp.
- Chuyên môn vượt trội trong xét nghiệm nhanh (rapid testing) đối với nước và môi trường.
- Đa dạng công nghệ, định dạng và ứng dụng, đáp ứng các mục tiêu kiểm nghiệm đặc thù của khách hàng.

Algal Toxins ELISA Plate & Tube Test Kits



Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
ABRAXIS® Anabaenopeptins	Đĩa ELISA	96 giếng	520070
ABRAXIS® Anatoxin-a (VFDF)	Đĩa ELISA	96 giếng	520060
ABRAXIS® BMAA	Đĩa ELISA	96 giếng	520040
ABRAXIS® Brevetoxin (NSP)	Đĩa ELISA	96 giếng	520034
ABRAXIS® Cylindrospermopsin	Đĩa ELISA	96 giếng	522011
ABRAXIS® Domoic Acid (ASP) (Onsite Technologies)	Đĩa ELISA	96 giếng	ON0021
ABRAXIS® Microcystins	Đĩa ELISA	96 giếng	520012A
ABRAXIS® Microcystins/Nodularins (ADDA) (EPA ETV) (EPA Method 546)	Đĩa ELISA	96 giếng	520011
ABRAXIS® Microcystins/Nodularins (ADDA) OH (EPA ETV) (includes LCRC)	Đĩa ELISA	96 giếng	5200110H
ABRAXIS® Microcystins/Nodularins (ADDA) SAES (EPA Method 546)	Đĩa ELISA	96 giếng	520011SAES
ABRAXIS® Microcystins/Nodularins DM (EPA ETV) (CCL4)	Đĩa ELISA	96 giếng	522015
Microcystins/Nodularins PP2A (EPA ETV)	Đĩa ELISA	96 giếng	520032
ABRAXIS® Okadaic Acid (DSP)	Đĩa ELISA	96 giếng	520021
Okadaic Acid (DSP), PP2A	Đĩa ELISA	96 giếng	520025
ABRAXIS® Saxitoxins (PSP)	Đĩa ELISA	96 giếng	52255SB
ABRAXIS® Saxitoxins (PSP) Shipboard	Đĩa ELISA	96 giếng	52255SB

Bộ kit que thử nhanh độc tố tảo ABRAXIS®



Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Anatoxin-a (VFDF)	Que thử nhanh	5 tests 20 tests	520042 520043
Cylindrospermopsin with QuikLyse™ Feature	Que thử nhanh	5 tests 20 tests	520029 520030
Microcystins with QuikLyse™ Feature, Source Drinking Water	Que thử nhanh	5 tests 20 tests	520019 520020
Microcystins with QuikLyse™ Feature, Recreational Water	Que thử nhanh	5 tests 20 tests	520023 520022
Microcystins, Finished Drinking Water, 1 - 5 ppb	Que thử nhanh	5 tests 20 tests	520016 520017
Microcystins, Finished Drinking Water, 0.3 - 3 ppb	Que thử nhanh	20 tests	520046

Các chất chuẩn độc tố tảo ABRAXIS®



Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Homo-anatoxin-a	Chuẩn	4 µg/mL, 0.5 ml	301295
Anatoxin-a (+), Certified	Chuẩn được chứng nhận	~5 µg/ml, 0.5 ml	300586
Anatoxin-a (+)	Chuẩn	10 µg/ml, 0.5 ml	300620
Dihydroanatoxin-a	Chuẩn	10 µg/ml, 0.5 ml	300655
13 C4-(+)-Anatoxin-a	Chuẩn	10 µg/ml, 0.5 ml	300505
BMAA D3	Chuẩn	1.0 mg	300622
Cylindrospermopsin	Chuẩn	0.5 mg	300624
Cylindrospermopsin, Certified	Chuẩn được chứng nhận	~10 µg/ml, 0.5 ml	300588
Cylindrospermopsin	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300626
7-epi-Cylindrospermopsin, supplied dry	Chuẩn dạng khô	5 µg	300651
7-deoxy-Cylindrospermopsin, supplied dry	Chuẩn dạng khô	5 µg	300653
[15N5] Cylindrospermopsin	Chuẩn	10 µg/ml, 0.5 ml	300504
[15N5] 7-deoxy-Cylindrospermopsin, dry	Chuẩn dạng khô	5 µg	300508
[15N5] 7-epi-Cylindrospermopsin, dry	Chuẩn dạng khô	5 µg	300506
Desmethyl Microcystin LR	Chuẩn	10 µg/ml, 1ml	300656
Microcystin HiIR	Chuẩn	10 µg/ml, 1ml	300654
Microcystin LA	Chuẩn	10 µg/ml, 1ml	300628
Microcystin LF, Deuterated	Chuẩn gắn deuterium	10 µg/ml, 0.5ml	300500

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Microcystin LF	Chuẩn	10 µg/ml, 1ml	300646
Microcystin LR	Chuẩn	0.5 mg	300630
Microcystin LR	Chuẩn	10 µg/ml, 1ml	300632
Microcystin LR Deuterated (D7)	Chuẩn gắn deuterium	10 µg/ml, 0.5ml	300502
Microcystin LR Ethylated (D5, 99%)	Chuẩn ethyl hóa	25 µg	300507
Microcystin LR, Certified	Chuẩn được chứng nhận	10 µg/ml, 0.5 ml	300639
Microcystin LW	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300650
Microcystin LY Certified	Chuẩn được chứng nhận	10 µg/ml, 0.5 ml	300589
Microcystin LY	Chuẩn	10 µg/mL, 1 mL	300634
Microcystin RR	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300636
Microcystin RR, Certified	Chuẩn được chứng nhận	10 µg/ml, 0.5 ml	300582
Microcystin WR	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300652
Microcystin YR	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300638
Nodularins	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300640
Nodularins, Certified	Chuẩn được chứng nhận	10 µg/ml, 0.5 ml	300591
Saxitoxins	Chuẩn	10 µg/ml, 1 ml	300642
Saxitoxins, Certified	Chuẩn được chứng nhận	20 µg/ml, 0.5 ml	300590
[15N7] Saxitoxin NEW!	Chuẩn	10 µg	301382
Saxitoxins (PSP) (EC 2002/225 Compliant) Seawater Standards Set	Bộ chuẩn nước biển	Set	52255SW

Vật liệu kiểm soát chất lượng độc tố tảo ABRAXIS®

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Microcystins/Nodularins (ADDA) Accessory Pack for Method 546 (for QC)	Bộ phụ kiện	1 pack	520013
Microcystins LR Check Samples (0, 2 and 20 ppb)	Mẫu kiểm tra	1 set	422011
Microcystins/Nodularins (ADDA) Spiking Solution, MCT-LR	Dung dịch bổ sung chuẩn	50µg/L, 10 ml	300702
Cylindrospermopsin MDL Study Solution	Dung dịch nghiên cứu	1 ml x 3 vials	300705
Cylindrospermopsin MDL Study Solution (for CAAS/CAAS Cube)	Dung dịch nghiên cứu	10 ml x 1 vial	300705C
Microcystins MDL Study Solution	Dung dịch nghiên cứu	1 ml x 3 vials	300700
Microcystins MDL Study Solution (for CAAS/CAAS Cube)	Dung dịch nghiên cứu	10 ml x 1 vial	300700C
Saxitoxins (PSP) MDL Study Solution	Dung dịch nghiên cứu	1 ml x 3 vials	300710
Saxitoxins (PSP) MDL Study Solution (for CAAS/CAAS Cube)	Dung dịch nghiên cứu	10 ml x 1 vial	300710C
Uri-Standards Set	Bộ chuẩn		520101
Seri-Standards Set	Bộ chuẩn		520102
Microcystin Congener Standard Mix (EPA544) NEW!		1 ml x 5	520014
Anatoxin-a/Cylindrospermopsin Standard Mix (EPA545) NEW!		1 ml x 5	520015

Các sản phẩm liên quan đến độc tố tảo ABRAXIS®

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
QuikLyse™, Rapid Lysing and Filtration Kit	Bộ chuẩn bị mẫu	45 tests	529911
Anatoxin-a/Saxitoxins, Sample Diluent (10X solution)	Thuốc thử	25 ml 1 L	530010 53001L
Benthic Mat Sample Extraction Solution	Thuốc thử	250 mL	301337
Brevetoxin (NSP) Sample Diluent	Thuốc thử	30 ml	520027
Brevetoxin (NSP) Seawater Sample Pretreatment Solution	Thuốc thử	25 ml	520028
Cylindrospermopsin, Seawater Sample Treatment Solution	Thuốc thử	45 tests	529914
Cylindrospermopsin, Sample Diluent	Thuốc thử	500 mL	301306
Microcystins/Nodularins (ADDA) (EPA ETV) Seawater Clean Up Kit	Bộ chuẩn bị mẫu	45 tests	529912
Microcystins/Nodularins DM Seawater Sample Treatment Solution	Thuốc thử	45 tests	529913
Affinity Capture Extraction (ACE) Kit - Microcystins	Bộ chuẩn bị mẫu	20 tests	520100
Saxitoxins (PSP) Shipboard	Bộ phụ kiện	20 tests	530009
Microcystins Sample Diluent	Thuốc thử	25 mL	300110

Hóa chất công nghiệp / Hydrocarbon ABRAXIS®

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
Dioxins/Furans (TCDD)*	Đĩa ELISA	96 giếng	530037
PCBs Higher Chlorinated*	Đĩa ELISA	96 giếng	530041
Phthalates*	Đĩa ELISA	96 giếng	530050

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit

Các chỉ thị sinh học ABRAXIS® cho hoạt tính sinh học

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số giếng	Mã sản phẩm
Caffeine	Đĩa ELISA	96 giếng	515575
Carbamazepine*	Đĩa ELISA	96 giếng	515585

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit

Thiết bị đọc ELISA Plate, Tube và Test Strip cùng thiết bị liên quan

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Mã sản phẩm
AbraScan® Dipstick Reader III, Handheld reader	Thiết bị đọc	475025B
RapidScan ST5-W Lateral Flow Reader	Thiết bị đọc	475035 (US orders)
RapidScan ST5-W Reader Adapter for ABRAXIS® Test Strips		475032 (US orders)
RapidScan ST5-W Reader Adapter for Allergens	Bộ chuyển đổi	475033 (US orders)
RapidScan ST5-W Reader Adapter for GMO	Bộ chuyển đổi	475034 (US orders)
RapidScan ST5 Reader Check Chart	Thiết bị đọc	475030
RapidScan ST5 Reader Mycotoxin Strip Cassette	Thiết bị đọc	475031
RapidScan ST5 Reader QR Code Cassette	Thiết bị đọc	475036
Microplate Reader, Model 4303 (full plates, full & partial well strips)	Thiết bị đọc	475010
Microplate Reader, Model 4700 with Printer (up to 3 full & partial well strips)	Thiết bị đọc	475007
Photometer M6+ Reader (combo single microwell/tube)	Thiết bị đọc	475101

Thuốc bảo vệ thực vật ABRAXIS®

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
2,4-D*	Đĩa ELISA	96 tests	54003A
Atrazine	Hạt từ tính	100 tests	500001
Atrazine	Đĩa ELISA	96 tests	520005
DDE/DDT*	Đĩa ELISA	96 tests	540041
Dicamba NEW!	Đĩa ELISA	96 tests	500050
Diuron*	Đĩa ELISA	96 tests	520001
Fluridone	Hạt từ tính	100 tests	500511
Glufosinate NEW!	Đĩa ELISA	96 tests	500060
Imidacloprid/Clothianidin	Đĩa ELISA	96 tests	500800
Metolachlor*	Đĩa ELISA	96 tests	500065
Organophosphate/Carbamate (OP/C)	Đĩa	96 tests	550055
Pyrethroids*	Đĩa ELISA	96 tests	500204
Spinosyn*	Ống ELISA	40 tests	50020B
Trifluralin	Đĩa ELISA	96 tests	500601

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit

Các sản phẩm liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật ABRAXIS®

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Imidacloprid/Clothianidin	Dung dịch pha loãng mẫu, hạt Atrazine	1 L	500803
Atrazine Standard Bundle	Các chuẩn 1-3, mẫu đối chứng	2 mL each	500003
Glufosinate Clean-Up for General Use NEW!			500061
Glufosinate Clean-Up for Lipids NEW!			500062
Spinosyn 100X Surfactant		10 mL	301135

ABRAXIS® Glyphosate

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Glyphosate	Hạt từ tính	120 tests	500081
Glyphosate	Đĩa ELISA & bộ dẫn xuất hóa	96 tests	500205
Glyphosate, Derivatization Kit	ELISA hạt từ tính kèm bộ dẫn xuất hóa	96 tests	500084
Glyphosate, Derivatization Kit	ELISA đĩa microtiter kèm bộ dẫn xuất hóa	96 tests	500087
Glyphosate ELISA AOAC Test Kit for Durum Wheat, Whole Oats, Groats, Yellow Peas & Red Lentils 	Đĩa ELISA	96 tests	500089
Glyphosate*	Que thử nhanh	5 tests	500098
Glyphosate	Que thử nhanh	20 tests	500095

* Số lượng đặt hàng tối thiểu: 5 bộ kit

Các sản phẩm liên quan đến Glyphosate ABRAXIS®

Sản phẩm	Dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Glyphosate	Thuốc thử làm sạch mẫu	2.5 g	500094
Glyphosate	Dung dịch pha loãng mẫu	100 mL	500082
Glyphosate	Dung dịch pha loãng mẫu	1 L	500083
Dipstick Control Solution Mid Detection Range	Thuốc thử		500102



KHOA HỌC SỰ SỐNG / R&D

Bộ kit tinh sạch từ tính AbraMag®

Sản phẩm	Định dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Genomic DNA Magnetic Purification Kit	Bộ hạt từ tính tách chiết DNA hệ gen	100 tests	555020

Giá tách từ

Sản phẩm	Khả năng tương thích	Mã sản phẩm
Plate Magnetic Separator	2 x đĩa 96 giếng (hút từ đáy)	472236
Tube Magnetic Separator	60 x ống 11-13 mm	472231
Tube Magnetic Separator	6 x ống 50 ml	472291
Tube Magnetic Separator	5 x ống 15 ml và 3 x ống 50 ml	472250
Tube/Microcentrifuge Tube Magnetic Separator	1 x ống 1.5 ml hoặc 1 x ống 15 ml và 1 x ống 50 ml	472280
Microcentrifuge Tube Magnetic Separator	6 x ống microcentrifuge 1.5 ml	472260
Microcentrifuge Tube Magnetic Separator	32 x ống microcentrifuge 1.5 ml	472287
Flask Magnetic Separator	Bình nuôi cấy tế bào	472240

Hạt từ tính AbraMag®

Sản phẩm	Định dạng sản phẩm	Số lượng	Mã sản phẩm
Amine	Hạt từ tính	2 mL, 2.5%	544080
Carboxyl	Hạt từ tính	5 mL, 2.5%	544086
Biotin	Hạt từ tính	2 mL, 5 mg/mL	544000
Biotin	Hạt từ tính	5 mL, 5 mg/mL	544001
Biotin	Hạt từ tính	1 mL, 5 mg/mL	544002
Streptavidin	Hạt từ tính	2 mL, 5 mg/mL	544050
Streptavidin	Hạt từ tính	5 mL, 5 mg/mL	544051
Streptavidin	Hạt từ tính	1 mL, 5 mg/mL	544052
anti-Rabbit IgG	Hạt từ tính	1 mL, 5 mg/mL	544012
anti-Mouse IgG	Hạt từ tính	4 mL, 5 mg/mL	544020
anti-Mouse IgG	Hạt từ tính	1 mL, 5 mg/mL	544022
anti-Human IgG	Hạt từ tính	4 mL, 5 mg/mL	544060
anti-Human IgG	Hạt từ tính	20 mL, 5 mg/mL	544061
anti-Human IgG	Hạt từ tính	1 mL, 5 mg/mL	544062
Protein A	Hạt từ tính	5 mL, 5 mg/mL	544031
Protein A	Hạt từ tính	1 mL, 5 mg/mL	544032
DNA Purification	Hạt từ tính	1 mL, 12 mg/mL	544090
PCR Clean-Up and Size Select	Hạt từ tính	5 ml	544100
PCR Clean-Up and Size Select	Hạt từ tính	60 ml	544103





THIẾT BỊ

ELISA Analyzers

Các giải pháp chẩn đoán toàn diện giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng thí nghiệm và giảm thiểu tổng chi phí vận hành. Chúng tôi cung cấp các thiết bị phân tích có độ chính xác cao, thiết kế nhỏ gọn và chi phí tối ưu, được hỗ trợ bởi dịch vụ khách hàng xuất sắc.

Những thiết bị tiên tiến, dẫn đầu ngành này – ThunderBolt® và The BOLT™ – là nền tảng tiêu chuẩn cho các bộ kit phân tích dựa trên ELISA của chúng tôi, bao gồm các kit phát hiện allergens, food pathogens, mycotoxins, veterinary drug residues và animal health kits.

Chúng tôi tự hào cung cấp một trong những danh mục giải pháp xét nghiệm tích hợp, toàn diện và đổi mới nhất trên thị trường.

ThunderBolt®



ThunderBolt® là một hệ thống hoàn toàn tự động với thiết kế hai đĩa (2-plate) trên nền tảng mở (open platform), thiết kế nhỏ gọn và tối ưu chi phí, mang lại sự linh hoạt tối đa cho nhiều loại protocol xét nghiệm. Hệ thống ThunderBolt® có thể được sử dụng cho cả các ứng dụng ELISA và Chemiluminescent Immunoassay (CLIA).

Lợi ích chính

- Hoàn toàn tự động (fully-automated): nạp mẫu và thiết bị tự vận hành.
- Dung lượng cao: tối đa 192 mẫu.
- Kiến trúc mở (open architecture): có thể lập trình cho bất kỳ protocol ELISA hoặc Chemiluminescent Immunoassay (CLIA)*.
- Khả năng thích ứng cao: có thể chạy nhiều protocol khác nhau trong cùng một batch.
- Tùy chọn đầu đọc tích hợp (built-in reader) nhỏ gọn và hoàn toàn tự động.
- Thiết bị nhỏ gọn và nhẹ nhất trong phân khúc.
- Phần mềm linh hoạt, thân thiện với người dùng.
- Có thể chạy tối đa 8 protocol trong một batch.
- Camera tích hợp trên thiết bị: cho phép giám sát hoạt động theo thời gian thực (real-time).

The Bolt™



The BOLT™ là bộ xử lý ELISA + CLIA một đĩa (one-plate processor), chia sẻ nhiều tính năng với ThunderBolt®, nhưng có thiết kế linh hoạt hơn cho việc tùy chỉnh, thông lượng thấp hơn và tối ưu chi phí. Phần mềm tương tác, thân thiện với người dùng của chúng tôi mang lại trải nghiệm vận hành thiết bị trong phòng thí nghiệm đơn giản và thuận tiện.

Lợi ích chính

- Thiết kế tiết kiệm không gian – phù hợp với bàn thí nghiệm tiêu chuẩn 60 cm
- Dung lượng 96 mẫu
- Có thể lập trình cho bất kỳ protocol ELISA hoặc CLIA*
- Bơm tiêm (syringe) có độ chính xác cao
- Chi phí vật tư tiêu hao thấp (không sử dụng đầu tip dùng một lần)
- Đèn báo trạng thái bên ngoài thiết bị
- Khả năng kết nối với hệ thống thông tin phòng thí nghiệm (LIS)

Thiết kế mô-đun với các tùy chọn:

- Buồng ủ (incubator) tiêu chuẩn
- Bộ lắc tuyến tính (linear shaker)
- Thiết bị đọc ELISA hoặc ELISA + CLIA *



ThunderBolt®

Thông số kỹ thuật

Intelligent Racks	Giá đỡ thông minh quản lý vị trí mẫu tự động
System Architecture	Kiến trúc hệ thống mở, có thể tùy chỉnh hoàn toàn
High Precision Micro-Syringe	Hút 1 μ L với độ chính xác cao, CV \leq 3%.
On-board Reader(s)	Đầu đọc tích hợp: Spectrophotometer hoặc Spectrophotometer + Fluorescence.
Forced Convection Incubator	Buồng ủ đối lưu cưỡng bức, gia nhiệt đồng đều, loại bỏ "Edge Effect".
On-board Camera	Camera gắn trên đầu dò hỗ trợ chẩn đoán sự cố từ xa
Sliding Sample Tray	Khay mẫu trượt, dễ nạp và lấy mẫu.
Built-in Barcode Reader	Đầu đọc mã vạch tích hợp, giảm lỗi truy xuất mẫu.
Orbital MTP Shaker	Bộ lắc vi tấm quỹ đạo, đảm bảo tuân thủ quy trình assay
Small Footprint	Kích thước nhỏ gọn, phù hợp bàn lab sâu 60 cm; khối lượng 30 kg (65 lbs)
Sample Capacity	192 vị trí mẫu bệnh phẩm
User Interface	Giao diện đồ họa MS Windows (Windows 7 trở lên).
CE Marked	Có
Mã sản phẩm	00300



The Bolt™

Thông số kỹ thuật

System Architecture	Kiến trúc hệ thống mở, có thể tùy chỉnh hoàn toàn.
High Precision Micro-Syringe	Hút 1 μ L với độ chính xác cao, CV \leq 3%.
On-board Reader(s)	Đầu đọc tích hợp: Spectrophotometer hoặc đầu đọc kết hợp Spectrophotometer + Fluorescence.
Forced Convection Incubator	Buồng ủ đối lưu cưỡng bức, gia nhiệt đồng đều để loại bỏ "Edge Effect".
Linear Shaker	Bộ lắc tuyến tính, đảm bảo tuân thủ chính xác quy trình assay / thiết kế chống tràn.
Small Footprint	Thiết kế nhỏ gọn, phù hợp bàn thí nghiệm tiêu chuẩn sâu 60 cm; khối lượng 27 kg (59.5 lbs)
Sample Capacity	96 vị trí mẫu bệnh phẩm
User Interface	Giao diện đồ họa MS Windows (Windows 7 trở lên).
CE Marked	Có
Mã sản phẩm	00500

Máy đọc xét nghiệm Lateral Flow RapidScan ST5-W

Các công ty và phòng thí nghiệm sử dụng thiết bị lateral flow như một phương pháp xét nghiệm nhanh cần thu được kết quả nhanh chóng và đáng tin cậy cho các phép kiểm tra nhiễm bẩn.

RapidScan ST5-W Lateral Flow Assay Reader là một nền tảng đọc kết quả dựa trên công nghệ hình ảnh, có độ chính xác cao, dễ sử dụng và linh hoạt, được dùng để phân tích các xét nghiệm lateral flow. Thiết bị này được thiết kế đặc biệt cho các ứng dụng kiểm tra tại hiện trường và kiểm tra trong quá trình sản xuất, nơi cần kết quả xét nghiệm định tính và định lượng.



Lợi ích chính

- **Dễ sử dụng:** Thiết bị đọc dễ cài đặt và vận hành, với giao diện người dùng trực quan và màn hình cảm ứng màu.
- **Kết quả định lượng:** Kết quả định lượng được thu nhận chỉ trong vài phút. Dữ liệu có thể lưu trữ trực tiếp trên thiết bị và xuất ra qua cổng USB.
- **Ứng dụng:** Thiết bị đọc tương thích với nhiều loại strip test phát hiện allergen, GMO và glyphosate do Gold Standard Diagnostics cung cấp. Ngoài ra, INgezim ASF CROM Ag, xét nghiệm LFA phát hiện kháng nguyên ASFV trong mẫu máu heo, cũng đã được thẩm định sử dụng trên thiết bị RapidScan.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	LFRCAN002
Kích thước và trọng lượng	11 x 14 x 21 cm, 930 g
Màn hình	Màn hình cảm ứng LCD 5 inch.

GSD Absorbance 96 ELISA Reader

GSD Absorbance 96 là một dòng máy đọc đĩa ELISA thế hệ mới, được thiết kế nhằm đơn giản hóa quy trình làm việc trong phòng thí nghiệm. Thiết bị mang lại hiệu suất hoạt động ổn định và kết quả chính xác, đồng thời có thiết kế nhỏ gọn phù hợp với không gian phòng thí nghiệm.



Lợi ích chính

- Nhỏ hơn 7 lần so với thiết bị đọc tương đương nhỏ nhất trên thị trường.
- Không yêu cầu bảo trì, mang lại trải nghiệm vận hành thuận tiện. 96 đơn vị phát hiện riêng biệt, cho phép phát hiện tín hiệu đồng thời.
- Nhiều lựa chọn bước sóng khác nhau.
- Không thu phí bản quyền phần mềm khi sử dụng.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EIAREAD002
Kích thước và trọng lượng	9.6 x 15.4 x 5.5 cm, 900g
Các loại microplate	Đĩa vi tấm 96 giếng
Lựa chọn bước sóng	Ví dụ các tổ hợp bước sóng (FWHM 10 nm): 450, 492, 562, 620 nm / 405, 450, 540, 630 nm / Có thể sử dụng các tổ hợp bộ lọc khác trong dải 400–1000 nm.

Máy luân nhiệt Real-Time PCR GSD MỚI!

Máy luân nhiệt real-time PCR của GSD cung cấp độ chính xác cao, thời gian chu kỳ nhanh, và khả năng phân tích đồng thời nhiều mẫu.

Với qPCR, quá trình khuếch đại DNA có thể được theo dõi theo thời gian thực, cho phép tính toán chính xác nồng độ ban đầu của mẫu. Ưu điểm này giúp qPCR đặc biệt phù hợp cho các ứng dụng như phát hiện tác nhân gây bệnh trong ngành công nghiệp thực phẩm.

Máy PCR của GSD đã được thẩm định sử dụng với các assay real-time qPCR BACGene GO, phục vụ phát hiện tác nhân gây bệnh trong nhiều loại mẫu thực phẩm khác nhau.



Lợi ích chính

- Nhiệt độ mục tiêu đạt được nhanh chóng và chính xác (tốc độ tăng/giảm nhiệt cao).
- Độ chính xác nhiệt độ: $\pm 0,15$ °C.
- Block mẫu bằng bạc phủ vàng, đảm bảo độ dẫn nhiệt tối ưu.
- Phù hợp với thể tích 0,1 mL hoặc 0,2 mL.
- Phân bố nhiệt độ đồng đều trên toàn bộ block.
- Khả năng multiplex, cho phép phát hiện đồng thời tối đa 6 mục tiêu trong một phản ứng.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	HU0060911
Kích thước và trọng lượng	30.4 cm x 31.5 cm x 58.7 cm, 30 kg
Các loại microplate	Đĩa 96 giếng, phù hợp với vật tư định dạng 0,1 mL và 0,2 mL có niêm phong quang học
Lựa chọn bước sóng	Phát hiện tối đa 6 mục tiêu, không cần passive reference

Hệ thống Real-time PCR: AriaMx™

Hệ thống Real-Time PCR AriaMx là một giải pháp qPCR tích hợp hoàn chỉnh cho khuếch đại, phát hiện và phân tích dữ liệu, kết hợp bộ luân nhiệt (thermal cycler) thế hệ mới, hệ thống quang học tiên tiến với nguồn kích thích LED, cùng phần mềm phân tích dữ liệu toàn diện.

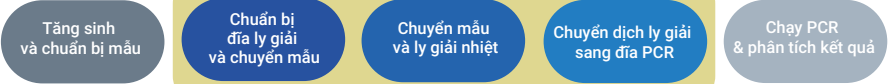


Lợi ích chính

- Nhiệt độ mục tiêu đạt được nhanh chóng và chính xác (tốc độ tăng/giảm nhiệt cao).
- Độ chính xác nhiệt độ: $\pm 0,15$ °C.
- Block mẫu bằng bạc phủ vàng, đảm bảo độ dẫn nhiệt tối ưu.
- Phù hợp với thể tích 0,1 mL hoặc 0,2 mL.
- Phân bố nhiệt độ đồng đều trên toàn bộ block.
- Khả năng multiplex, cho phép phát hiện đồng thời tối đa 6 mục tiêu trong một phản ứng.

OT-2 Liquid Handler cho ứng dụng BACGene

Các giải pháp real-time PCR như BACGene được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới để phát hiện các tác nhân gây bệnh trong thực phẩm, cung cấp kết quả đáng tin cậy nhanh hơn đáng kể so với các phương pháp phát hiện truyền thống. OT-2 liquid handler cung cấp giải pháp tự động hóa cho các bước thao tác thủ công trong quy trình BACGene, đóng vai trò như một nền tảng tự động hóa từ bước nạp mẫu đến chuẩn bị đĩa PCR.



Độ chính xác và độ tin cậy được nâng cao

- Giảm sai sót do con người – không cần đảo tạo nhiều lần.
- Tăng tính nhất quán giữa các lần chạy.



Tăng hiệu quả trong phòng thí nghiệm

- Năng suất tăng hơn 2 lần – tính theo số mẫu/giờ.
- Thiết kế nhỏ gọn cho phép thực hiện cả ly giải và chuẩn bị PCR trên cùng hệ thống – kích thước khoảng 63 x 57 x 66 cm.



Tối ưu chi phí và nguồn lực

- Giải pháp tối ưu chi phí, hỗ trợ lập kế hoạch nguồn lực hiệu quả.
- Giải phóng thời gian của kỹ thuật viên khoảng 42 phút cho mỗi đĩa đầy.

Giải pháp trọn gói hoàn chỉnh

Số lượng	Tên	Mô tả sản phẩm	Thông tin đặt hàng
	OT-2 Starter package	OT-2 liquid handler bao gồm các module và pipette tương ứng để vận hành workflow BACGene trong thiết lập tự động. • 2 x giá đỡ nhôm (Aluminium holder) • Module gia nhiệt kèm giá đỡ nhôm • Giá đỡ thuốc thử ly giải (lysis reagent holder) • 2 pipette đa kênh riêng biệt cho thể tích tối đa 200 μ L và 20 μ L	HU0060910
3x*	P20 – Hộp tip 20 μ L (96)	Tip lọc dùng cho pipette P20	HU0060906
2x*	P300 – Hộp tip 200 μ L (96)	Tip lọc dùng cho pipette P300	HU0060907
1x*	Service Package	Kiểm tra bảo trì định kỳ hàng năm	HU0060908

* Ví dụ: một đĩa đầy hỗn hợp (46 mẫu *Listeria* + 46 mẫu *Salmonella*) sẽ cần 199 tip, bao gồm: 146 tip 20 μ L (chia trong 3 hộp tip riêng) và 53 tip 200 μ L (chia trong 2 hộp tip riêng).

DỊCH VỤ

Giải pháp tự động hóa: Thiết bị, bộ kit và dịch vụ

Tự động hóa mang lại nhiều lợi ích, bao gồm giảm khối lượng công việc cho nhân sự phòng thí nghiệm, chuẩn hóa hiệu suất vận hành và nâng cao hiệu quả so với thao tác assay thủ công. Tuy nhiên, để tận dụng đầy đủ các lợi ích của tự động hóa, cần đáp ứng một số điều kiện sau:

- Thực hiện chương trình bảo trì phù hợp để duy trì tiêu chuẩn vận hành của thiết bị;
- Đào tạo đầy đủ và hỗ trợ kịp thời cho các nhóm sử dụng hệ thống phân tích tự động;
- Sử dụng các quy trình (protocols) đã được thẩm định.

Đội ngũ dịch vụ giàu kinh nghiệm của chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn – hãy lựa chọn gói dịch vụ phù hợp nhất với nhu cầu của bạn, hoặc xây dựng kế hoạch hỗ trợ tùy chỉnh cho các thiết bị của bạn.



Lắp đặt



Bảo trì



Can thiệp / hỗ trợ tại chỗ



Hỗ trợ kỹ thuật



Hỗ trợ khách hàng



Đào tạo

	The Bolt™	ThunderBolt®	Hailstorm	OT-2	Aria MX	GSD Cyclor
Trình diễn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tùy chỉnh R&D	✓	✓				
Lắp đặt & đào tạo	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đào tạo NPP nâng cao	✓	✓	✓	✓	✓	
Cho thuê thiết bị	✓	✓	✓	✓	✓	
Bảo trì	✓	✓	✓	✓	✓	
Gói dịch vụ hàng năm	✓	✓	✓			Liên hệ với chúng tôi
Hỗ trợ cao cấp	✓	✓	✓			
Hỗ trợ từ xa	✓	✓	✓	✓	✓	
Kiểm tra kỹ thuật	✓	✓	✓	✓	✓	
Đổi/thay thế thiết bị					✓	



Phân phối ủy quyền bởi



HỖ TRỢ KỸ THUẬT 24/7 - LIÊN HỆ CÔNG TY VITECH ĐỂ CÓ GIÁ TỐT
(Miền Bắc) 024.3783.5922 - (Miền Nam) 028.3517.0468



Gold Standard Diagnostics
www.goldstandarddiagnostics.com
contact@eu.goldstandarddiagnostics.com

